



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH

Địa chỉ : Số 194 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 38 297 147 – Fax : (028) 38 229 778

E-mail : capnuocbenthanh@vnn.vn

Website : [www.capnuocbenthanh.com](http://www.capnuocbenthanh.com)

# TÀI LIỆU ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025

*(Quý cổ đông vui lòng mang theo tài liệu này khi tham dự Đại hội)*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2025



**DANH MỤC TÀI LIỆU**  
**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

<b>Số TT</b>	<b>Danh mục tài liệu</b>	<b>Trang</b>
1.	Chương trình Đại hội.	3
2.	Thê lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.	5
3.	Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản trị năm 2024.	9
4.	Báo cáo của Ban kiểm soát về việc thẩm định tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024; báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024.	21
5.	Báo cáo của Ban Giám đốc; Báo cáo kiểm toán; Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.	29
6.	Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2024 và chia cổ tức cho cổ đông từ lợi nhuận còn lại năm 2023 trở về trước.	43
7.	Báo cáo định hướng phát triển và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.	45
8.	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.	49
9.	Tờ trình về mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người phụ trách quản trị kiêm nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị năm 2025.	51
10.	Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tình hình thực hiện Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2024; đơn giá Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo, ký kết Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (điều chỉnh) năm 2025 giữa Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV.	53
11.	Tờ trình về việc thay đổi, điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.	71
12.	Tờ trình về việc miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027.	73
13.	Quy chế tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 (bầu bổ sung).	77
14.	Thê lệ bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 (bầu bổ sung).	79

**Tài liệu họp Đại hội được đăng tải trên website Công ty tại địa chỉ: [www.capnuocbenthanh.com](http://www.capnuocbenthanh.com) (mục "*Công bố thông tin*" chọn "*Đại hội cổ đông thường niên*").**







## **CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

1. Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu.
2. Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông.
3. Thông qua Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.
4. Thông qua danh sách Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn và Ban kiểm phiếu.
5. Thông qua Chương trình làm việc của Đại hội.
6. Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản trị năm 2024.
7. Báo cáo của Ban kiểm soát về việc thẩm định tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024; báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024.
8. Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán và Báo cáo của kiểm toán độc lập.
9. Trình bày về việc phân phối lợi nhuận năm 2024 và chia cổ tức cho cổ đông từ lợi nhuận còn lại năm 2023 trở về trước.
10. Báo cáo Định hướng phát triển và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.
11. Trình bày về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.
12. Trình bày mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người phụ trách quản trị kiêm nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị năm 2025.
13. Trình bày về việc Báo cáo tình hình thực hiện Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2024; đơn giá Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025 và uỷ quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo, ký kết Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (điều chỉnh) năm 2025 giữa Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV.
14. Trình bày về việc thay đổi, điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
15. Đại hội thảo luận.
16. Trình bày về việc miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027; Thông qua Quy chế tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 (bầu bổ sung); Thông qua Thẻ lệ bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 (bầu bổ sung).
17. Đại hội bầu bổ sung 03 thành viên Hội đồng quản trị và bỏ phiếu biểu quyết những vấn đề chủ yếu của Đại hội.  
**Nghỉ giải lao (dùng bánh ngọt, trái cây, trà, cà phê,...).**
18. Ban kiểm phiếu công bố kết quả bầu bổ sung 03 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 và kết quả biểu quyết những vấn đề chủ yếu của Đại hội.
19. Thông qua Nghị quyết Đại hội.
20. Thông qua Biên bản Đại hội.
21. Tổng kết và bế mạc Đại hội.





*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2025*

**THẺ LỆ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT  
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH**

Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được tiến hành trong không khí trang trọng, hợp lệ và thành công tốt đẹp, kính đề nghị Quý cổ đông tham dự thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nghĩa vụ của mình dưới đây:

1. Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 24/3/2025 được quyền tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.

2. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông đã làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 được quyền tham gia phát biểu ý kiến và biểu quyết tại Đại hội.

3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa đoàn điều khiển. Cổ đông tham gia Đại hội phải tuân thủ theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn nhằm tạo điều kiện cho Đại hội diễn ra một cách thuận lợi, nhanh chóng và hợp lệ.

4. Khi tiến hành đăng ký tham dự Đại hội, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền Phiếu biểu quyết và Thẻ biểu quyết, trên đó ghi mã số đăng ký, tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

**4.1 Phiếu biểu quyết:** Cổ đông biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết đối với các nội dung: Thông qua nhân sự Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu; Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội; Chương trình làm việc của Đại hội; Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; Quy chế tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 (bầu bổ sung); Thẻ lệ bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 (bầu bổ sung); Biên bản và Nghị quyết Đại hội và một số nội dung thảo luận phát sinh ngay tại Đại hội cần thống nhất trước khi biểu quyết thông qua. Cổ đông biểu quyết bằng cách ghi Phiếu biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết, bao gồm: *Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến hoặc Có ý kiến khác.*

**4.2 Thẻ biểu quyết:**

- Cổ đông biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết đối với các nội dung chính của Đại hội (trừ các vấn đề đã được biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết nêu trên) bằng cách đánh dấu chéo (X) vào ô *Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến* của từng nội dung được nêu trong Thẻ biểu quyết.



- Thẻ biểu quyết không hợp lệ là thẻ biểu quyết không do Công ty phát hành; ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác,... khi không được Chủ tọa yêu cầu; thẻ biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn. Thẻ biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông, không đánh dấu ý kiến nào hoặc đánh dấu từ 2 ý kiến trở lên đối với một nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết.

- Trong một Thẻ biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.

- Trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm, hoặc thẻ biểu quyết không còn nguyên vẹn mà cổ đông chưa biểu quyết, nếu chưa hết thời gian biểu quyết, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Thẻ biểu quyết mới và phải nộp lại Thẻ biểu quyết cũ.

- Phiếu bầu cử Hội đồng quản trị: thực hiện bằng phiếu bầu cử được phát tại Đại hội đồng cổ đông theo số cổ phần sở hữu của cổ đông.

- Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông đó phải gửi lại Thẻ biểu quyết/Phiếu bầu cử đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Ban tổ chức trước khi ra về. Nếu cổ đông nào không gửi lại Thẻ biểu quyết/Phiếu bầu cử cho Ban tổ chức, Ban kiểm phiếu xem như cổ đông đó không bỏ phiếu đối với các vấn đề cần lấy ý kiến.

- Thời gian bắt đầu và kết thúc việc bỏ phiếu do Chủ tọa đoàn hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo tại Đại hội.

5. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản thống kê số phiếu *Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến* của Đại hội đồng cổ đông đối với từng vấn đề biểu quyết để báo cáo Chủ tọa đoàn. Chủ tọa sẽ công bố kết quả kiểm phiếu từng vấn đề sau khi tiến hành biểu quyết.

6. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 (bầu bổ sung) được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu theo phương thức bầu dồn phiếu và được tổ chức thực hiện theo Quy chế tham gia đề cử, ứng cử và Thẻ lệ bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết các nội dung tiếp theo tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến tham dự muộn không bị ảnh hưởng.

8. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Đối với quyết định về việc Báo cáo tình hình thực hiện Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2024; đơn giá Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo, ký kết Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (điều chỉnh) năm 2025 giữa Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV thì phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Trong trường hợp Đại hội phát sinh các vấn đề khác cần biểu quyết, tỷ lệ biểu quyết thông qua căn cứ theo quy định của pháp luật.



9. Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Thư ký đoàn ghi chép đầy đủ vào Biên bản Đại hội và thông qua Đại hội trước khi bế mạc.

10. Thẻ lệ làm việc và biểu quyết này được đọc trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông. Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các cổ đông./.



**Phạm Tuấn Anh**





## **BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, có hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Báo cáo tài chính năm 2024 (đã kiểm toán) của Công ty;
- Tình hình thực tiễn thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024 của Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của Công ty năm 2024 như sau:

### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Năm 2024, tình hình phát triển kinh tế tại TP.HCM từng bước được phục hồi, lượng khách du lịch có tăng so với năm 2023, tuy nhiên ngành nghề kinh doanh, thương mại dịch vụ vẫn hoạt động chưa ổn định. Địa bàn hoạt động của Công ty là trung tâm đô thị Thành phố, dân số Quận 1 và Quận 3 ít biến động nên việc phát triển mạng lưới cấp nước, phát triển lượng khách hàng để gia tăng sản lượng nước tiêu thụ không nhiều, xu hướng tiết kiệm chi tiêu thông qua sử dụng tiết kiệm nước sạch và gia tăng sử dụng nước giếng vẫn còn tồn tại.

Xác định trên vùng phục vụ Quận 1 và Quận 3 - Trung tâm Thành phố sẽ tiếp tục hoàn thiện theo hướng hiện đại phù hợp xu thế đô thị thông minh trên mọi mặt hoạt động, đặc biệt là phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, ngành cấp nước phải đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Hiện đại và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng tiện lợi nhất gắn với việc cấp nước an toàn liên tục bảo đảm các tiêu chí chất lượng nước cao nhất theo quy định. Đồng thời phải bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng đạt hiệu quả cao, đáp ứng mong đợi của cổ đông về cổ tức gắn liền sự phát triển bền vững của Công ty.

Bằng nhiều giải pháp, nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn, tập thể CB-CNV Công ty cố gắng thực hiện mục tiêu kép, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu chủ yếu về sản xuất kinh doanh, bảo đảm công tác cấp nước an toàn, thường xuyên, liên tục, đáp ứng được 100% nhu cầu sử dụng nước sạch trên địa bàn, góp phần vào công tác đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.



## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

#### a. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kết quả SXKD năm 2024		Tỷ lệ % thực hiện	
				Kế hoạch	Thực hiện	So với kế hoạch năm 2024	So với thực hiện năm 2023
			<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3/2</i>	<i>5=3/1</i>
1	Sản lượng nước mua sỉ	Triệu m <sup>3</sup>	40.935	42.197	39.986	94,76	97,68
2	Sản lượng nước tiêu thụ	Triệu m <sup>3</sup>	35.709	36.500	36.135	99	101,19
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	529.806	546.033	561.465	102,83	105,98
	Trong đó: Doanh thu tiền nước		527.271	544.033	558.524	102,66	105,93
4	Giá bán bình quân	Đồng	14.766	14.905	15.456,6	103,7	104,68
5	Tỷ lệ thực thu đương niên	%	>99%	100%	>99%	-	-
6	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100%	100%	100%	-	-
7	Tỷ lệ thất thoát nước	%	12,77	13,50	9,63	-	-
8	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	60.130	55.000	59.018	107,31	98,15
9	Cổ tức năm hiện tại	% / mệnh giá	13,5	13,5	18,6	-	-
	Cổ tức bổ sung		8,62	-	9	-	-

#### b. Tình hình sản xuất kinh doanh:

Công ty quản lý **65.752 đồng hồ nước**, bảo đảm việc cung cấp nước cho khoảng **104.985 hộ dân** thuộc Quận 1, Quận 3 và nhiều cơ quan hành chính, trung tâm thương mại, dịch vụ trên địa bàn. Tỷ trọng sản lượng nước địa bàn Quận 1 tiêu thụ khoảng **63,12%** tổng sản lượng nước tiêu thụ Công ty quản lý, còn lại Quận 3 là khoảng **36,88%**. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch là **100%**; trong đó tỷ lệ cung cấp nước cho đối tượng các hộ dân sinh hoạt hơn **40,93%**, còn lại các đơn vị hành chính, kinh doanh, dịch vụ.



**- Sản lượng nước tiêu thụ:**

Năm 2024, kinh tế tại khu vực trung tâm phục hồi tích cực nhưng chưa đạt kỳ vọng đề ra, hoạt động kinh doanh, thương mại dịch vụ còn khó khăn, các cơ sở dịch vụ lưu trú và ăn uống ngưng hoạt động, trả mặt bằng kinh doanh. Sản lượng nước tiêu thụ tăng nhẹ so với năm 2023 nhưng đạt thấp hơn so với kế hoạch năm 2024. Sản lượng nước tiêu thụ đạt 36,135 triệu m<sup>3</sup> đạt 99% so với kế hoạch (36,500 triệu m<sup>3</sup>), so với năm 2023 (35,709 triệu m<sup>3</sup>) tăng 0,426 triệu m<sup>3</sup> (1,19%).

**- Doanh thu tiền nước:**

Doanh thu tiền nước đạt 558.524 triệu đồng tăng 2,66% so với kế hoạch (544.033 triệu đồng), so với năm 2023 (527.271 triệu đồng) tăng 5,93%.

**- Giá bán bình quân:**

Giá bán bình quân đạt 15.456,6 đồng/m<sup>3</sup> tăng 551,6 đồng/m<sup>3</sup> so với kế hoạch (14.905 đồng/m<sup>3</sup>), tăng 690,6 đồng/m<sup>3</sup> so với năm 2023 (14.766 đồng/m<sup>3</sup>), tiếp tục là mức giá cao so với các công ty khác của SAWACO. Kết quả này có được là do Công ty đẩy mạnh công tác kiểm tra áp giá biểu, định mức phù hợp với đối tượng khách hàng sử dụng nước, đặc biệt là công tác thu thập, cập nhật số định danh cá nhân để cấp định mức nước sinh hoạt.

**- Tỷ lệ thực thu đương niên:**

Tỷ lệ thực thu tiền nước trên doanh thu năm 2024 đạt trên 99% do Công ty tăng cường công tác kiểm tra nhắc nợ, đóng nước các địa chỉ nợ tiền nước nhiều kỳ, mở rộng các loại hình thanh toán tiền nước tiện lợi cho khách hàng và giải quyết kịp thời các khiếu nại của khách hàng liên quan đến tiêu thụ, tiền nước.

**- Công tác quản lý mạng lưới cấp nước, giảm thất thoát nước:**

Năm 2024, Công ty tiếp tục tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giảm thất thoát nước, hoàn thiện công tác phân vùng tách mạng, tích cực chủ động dò tìm bể ngầm và điều phối áp lực các DMA hợp lý, quản lý phân công lộ trình dò tìm rò rỉ chặt chẽ. Kiểm tra thường xuyên các đồng hồ có sản lượng tiêu thụ bất thường, qua đó chủ động dò tìm phát hiện được số lượng điểm bể trong năm 2024 đã dò tìm phát hiện và sửa chữa 1.600 điểm bể (trong đó: 408 điểm bể ngầm, 1.192 điểm bể nổi). Đồng thời thực hiện theo dõi, giám sát liên tục hệ thống logger quan trắc trực tuyến chỉ số áp lực, lưu lượng,... kịp thời phát hiện những bất thường, nhận định, phán đoán nguy cơ về thất thoát nước. Tỷ lệ thất thoát nước trong năm 2024 đạt 9,63%, kéo giảm hơn 3,14% so với cùng kỳ năm 2023 (12,77%) và kéo giảm hơn 3,87% so với kế hoạch năm 2024 là 13,50%. Giá trị thu hồi gần 9,6 tỷ đồng (tương ứng 1,36 triệu m<sup>3</sup>, lượng nước thu hồi được so sánh với số liệu năm 2023).

**- Lợi nhuận trước thuế:**

Lợi nhuận trước thuế đạt 59.018 triệu đồng, tăng 7,31% và vượt chỉ tiêu kế hoạch (55.000 triệu đồng) mà Đại hội cổ đông giao. Công ty dự kiến chia cổ tức năm 2024 là 18,6 %/mệnh giá cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 ; 9%/mệnh giá cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 trở về trước.



## 2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính:

### a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2023 (đã điều chỉnh hồi tố) (Triệu đồng)	Năm 2024 (Triệu đồng)	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	373.789	380.695	1,85%
Doanh thu thuần	529.806	561.465	5,98%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	59.517	58.894	(1,05) %
Lợi nhuận khác	613	124	(79,77) %
Lợi nhuận trước thuế	60.130	59.018	(1,85)%
Lợi nhuận sau thuế	47.963	47.059	(1,88)%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	26,35% (cổ tức 13,5%)	37,00% (cổ tức 18,6%)	40,42%

### b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2023 (đã điều chỉnh hồi tố)	Năm 2024	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,55 lần	1,57 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho (140)</u> Nợ ngắn hạn	1,35 lần	1,35 lần	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	33,41 %	31,36 %	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	65,79 %	61,9 %	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân (không gồm CP SXKD dở dang)	32,64	25,97	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,42	1,47	

Các chỉ tiêu	Năm 2023 (đã điều chỉnh hồi tố)	Năm 2024	Ghi chú
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9,05 %	8,38 %	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	25,27 %	24,4 %	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	12,83 %	12,36%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	11,23%	10,49 %	

### III. VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

##### a. Đánh giá kết quả hoạt động:

Năm 2024, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, nhưng Công ty đã cố gắng vượt qua khó khăn thử thách, nỗ lực hoàn thành các mục tiêu đề ra. Việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty có tính kế thừa bền vững.

Việc cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất của nhân dân và khách hàng trên địa bàn luôn bảo đảm, ổn định chất lượng, đáp ứng được 100% nhu cầu sử dụng nước sạch, góp phần vào công tác bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn.

Công tác quản lý, cải tạo, phát triển mạng lưới cấp nước và công tác giảm nước không doanh thu luôn được quan tâm đầu tư, thực hiện thường xuyên, góp phần đưa hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng hiệu quả.

Năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý ngày càng nâng cao, bám sát và bảo đảm yêu cầu công tác đề ra; kinh nghiệm thực tế tích lũy ngày càng nhiều.

Công ty luôn hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước; việc chăm lo chế độ, chính sách cho người lao động được bảo đảm và nâng cao, đời sống người lao động được cải thiện đáng kể.

##### b. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

Nhiều giải pháp đồng bộ được triển khai mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cho đơn vị về doanh thu và lợi nhuận trước thuế,...; hoàn thành tốt chỉ tiêu giảm thất thoát nước; bảo đảm duy trì chỉ tiêu 100% tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch trên địa bàn.

Phát huy cơ chế khoán sản phẩm cho nhóm và người lao động, gắn kết quả công việc với thu nhập, năng suất lao động và quyền lợi người lao động. Thường xuyên rà soát cơ cấu, chức năng nhiệm vụ của các phòng, ban, đội, sắp xếp bộ máy theo hướng tinh gọn, chuyên môn hoá, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới trong công tác quản lý nội bộ.



Tiếp tục xây dựng, ban hành và áp dụng nhiều quy định, quy chế quản lý nội bộ đã giúp nâng cao hiệu quả công tác quản lý; các hoạt động hợp tác trao đổi kỹ thuật, đầu tư, ứng dụng tiện ích của công nghệ thông tin đã được triển khai ngày càng có chất lượng và đi vào chiều sâu.

Công tác cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng đang được tích cực triển khai; việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tiện ích công nghệ thông tin đã bước đầu hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý, phục vụ khách hàng.

## **2. Tình hình tài chính:**

### ***a. Tình hình tài sản:***

Tổng giá trị tài sản năm 2024 là 380.695 triệu đồng, tăng 6.906 triệu đồng (1,85%) so với năm 2023. Về cơ cấu, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 46,78%, chủ yếu là tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, hàng tồn kho,... Năm 2024, tài sản cố định mới tăng 46.122 triệu đồng; trong đó, 37.836 triệu đồng là đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành các hệ thống ống cấp nước và phát triển mạng lưới cấp nước nhằm bảo đảm nhu cầu cung cấp nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất kinh doanh trên địa bàn đồng thời làm giảm tỷ lệ thất thoát nước trong khu vực quản lý; còn lại 8.286 triệu đồng là tài sản tăng do mua sắm.

Hàng tồn kho cuối năm 2024 tăng 34,49 % so với năm 2023 nhằm đảm bảo cung cấp kịp thời vật tư thi công các công trình đầu tư xây dựng trong cuối năm 2024 và đầu năm 2025, đặc biệt là công tác phối hợp với dự án tuyến Metro của Thành phố. Hàng tồn kho tăng nên vòng quay hàng tồn kho năm 2024 giảm 6,67 lần so với năm 2023, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh để thực hiện kế hoạch đầu tư, phát triển mạng lưới, nâng cấp hệ thống cấp nước, sửa chữa ống mục, chống thất thoát nước.

### ***b. Tình hình nợ phải trả:***

- Hệ số thanh toán ngắn hạn: 1,57 lần
- Hệ số thanh toán nhanh: 1,35 lần
- Hệ số Nợ/Tổng Tài sản: 31,36 %
- Hệ số Nợ/Vốn Chủ sở hữu: 61,9%

Công ty sử dụng nguồn vốn hiệu quả, đồng vốn được bảo toàn, bảo đảm khả năng chi trả cho các khoản nợ đến hạn.

## **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

Công tác cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng đáp ứng chủ trương xây dựng đô thị thông minh luôn được Công ty quan tâm chỉ đạo thực hiện thông qua chương trình, kế hoạch và lộ trình thực hiện cụ thể hàng năm. Đồng thời luôn được Công ty xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong điều kiện yêu cầu về chất lượng phục vụ khách hàng ngày càng phải nâng cao, trình độ khoa học công nghệ ngày càng phát triển.

Công ty luôn chủ động học hỏi, tìm hiểu và ứng dụng các giải pháp sáng tạo, mô hình hay, hiệu quả trong công tác cải cách thủ tục hành chính và chăm sóc khách hàng, là một trong những đơn vị đi đầu trong nhiều hoạt động cải tiến nghiệp vụ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý như: phát triển hoạt động trung tâm vận hành mạng lưới cấp



nước (NOC), hoàn thành xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, áp dụng hiệu quả mô hình 5S, áp dụng chữ ký số và chữ ký điện tử trong việc xử lý văn bản nội bộ của Công ty, đẩy mạnh các dịch vụ trực tuyến,...; đồng thời đã ứng dụng nhiều tiện ích công nghệ thông tin, phần mềm trong công tác quản lý và phục vụ khách hàng, tạo tiền đề quan trọng cho công tác cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng theo chiều sâu.

Hoàn thành số hoá dữ liệu cho hợp đồng sử dụng nước. Triển khai và áp dụng hợp đồng cấp nước điện tử. Năm 2024, đạt 100% mã định danh để cấp định mức nước cho khách hàng, hoàn thành chỉ tiêu mà SAWACO đề ra

Phối hợp với Thành phố, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn -TNHH MTV tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác cải tạo ống mục và phát triển các tuyến ống cấp nước thuộc dự án hệ thống đường sắt đô thị Metro Bến Thành - Suối Tiên. Phối hợp với Công an Quận 1 và cảnh sát phòng cháy chữa cháy TP.HCM bảo đảm cung cấp nước để diễn tập chữa cháy, cứu nạn nhà ga trung tâm tuyến Metro số 1 với quy mô lớn nhất năm của Thành phố. Bên cạnh đó, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục, ổn định phục vụ các sự kiện quan trọng của đất nước và Thành phố, đặc biệt là cấp nước cho đường hoa Nguyễn Huệ vào dịp tết Nguyên đán hằng năm.

Cán bộ quản lý và công nhân lao động được quan tâm đào tạo, ngày càng trưởng thành trong công việc, có những chuyển biến rõ rệt, tích cực trong nhận thức và hành động đối với công tác cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Lực lượng lao động cũng ngày càng được sắp xếp hợp lý, tinh gọn hơn góp phần nâng cao năng suất lao động và nâng cao thu nhập.

Công tác thông tin, tuyên truyền, xây dựng hình ảnh đơn vị ngày càng được quan tâm và triển khai thường xuyên, tạo điều kiện để khách hàng nắm bắt thông tin, tương tác, trao đổi, phản ánh, từ đó góp phần giải quyết thỏa đáng các yêu cầu của khách hàng trong quá trình cung cấp và sử dụng nước.

Công tác xây dựng công sở văn minh, sạch đẹp được Ban lãnh đạo Công ty duy trì, tạo môi trường làm việc thân thiện, góp phần nâng cao ý thức, tinh thần làm việc và thái độ phục vụ khách hàng.

#### **IV. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**1. Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị:**

***a. Thành viên và cơ cấu HĐQT:***

Số lượng cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 5 năm (2022 – 2027) đến thời điểm lập báo cáo như sau:



Giá trị cổ phần: 10.000 đồng/CP

STT	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Cổ phần trực tiếp sở hữu		Cổ phần đại diện sở hữu		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ	
1	Ông Phạm Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT (kể từ ngày 26/9/2024)	-	-	1.658.000 (Đại diện vốn góp của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV)	17,71	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 26/9/2024 (thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản); Nghị quyết số 34/NQ-CNBT- HĐQT ngày 26/9/2024 của Hội đồng quản trị Công ty.
2	Ông Nguyễn Doãn Xã	Thành viên/ Giám đốc (kể từ ngày 21/4/2022)	-	-	1.658.000 (Đại diện vốn góp của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV)	17,71	
3	Bà Nguyễn Thị Bảo Châu	Thành viên (kể từ tháng 4/2022)	-	-	1.658.700 (Đại diện vốn góp của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV)	17,72	Hiện là Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV; Là thành viên BKS CTCP Cấp nước Trung An và CTCP Cấp nước Chợ Lớn.
4	Bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt	Thành viên (kể từ tháng 4/2022)	-	-	-	-	Hiện là Trưởng ban Tổ chức Đảng ủy, Giám đốc Nhân sự Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV;

STT	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Cổ phần trực tiếp sở hữu		Cổ phần đại diện sở hữu		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ	
							Là thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Tân Hòa.
5	Ông Trần Quang Phương	Thành viên (kể từ tháng 4/2022)	-	-	936.000 (Đại diện vốn góp của Ngân hàng TMCP Đông Á)	10,00	Hiện là Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đông Á.
6	Ông Tạ Chương Lâm	Thành viên (kể từ tháng 4/2022)	-	-	-	-	Hiện là Giám đốc Khối quản trị nguồn nhân lực Ngân hàng TMCP Đông Á;  Là thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á; Công ty TNHH Kiều Hối Đông Á.
7	Ông Hồ Lê Minh	Thành viên (kể từ tháng 4/2022)	488.550	5,13	-	-	Hiện là thành viên HĐQT CTCP Công trình Giao thông Công chánh;  Là thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Trung An.

**\* Nội dung liên quan thành viên và cơ cấu HĐQT:**

Trước đây, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, để hoàn thiện nhân sự tham gia Hội đồng quản trị với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị độc lập, tại kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2018, Công ty đã triển khai việc mời cổ đông tham gia đề cử, ứng cử 02 thành viên Hội đồng quản trị độc lập nhiệm kỳ 2017 – 2022, nhưng không có cổ đông nào tham gia đề cử, ứng cử. Do đó, Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc ghi nhận (tại Nghị quyết và Biên bản Đại hội) về việc Công ty đã triển khai việc mời cổ đông tham gia đề cử, ứng cử 02



thành viên Hội đồng quản trị độc lập nhiệm kỳ 2017 – 2022, nhưng không có cổ đông nào tham gia đề cử, ứng cử.

Theo quy định của pháp luật, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022, Công ty đã tiến hành bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới (2022 - 2027) do Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát hết nhiệm kỳ. Do đó, khi gửi thư mời họp cho cổ đông, Hội đồng quản trị đã gửi kèm các biểu mẫu, tài liệu có liên quan đến việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để cổ đông thực hiện quyền đề cử, ứng cử của mình. Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập được quy định cụ thể trong tài liệu đại hội. Tuy nhiên, Công ty không nhận được hồ sơ đề cử, ứng cử của cổ đông.

Theo tình hình thực tế, không có cổ đông đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị thỏa điều kiện là thành viên độc lập và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã bầu 7 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 5 năm (2022 – 2027), nên hiện tại cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành không có thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và khoản 4 Điều 276 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Do vậy, thực tế trong quá trình hoạt động, mặc dù đã quan tâm thực hiện việc mời thành viên tham gia Hội đồng quản trị với tư cách thành viên độc lập, nhưng Công ty chưa tìm được nhân lực đảm đương vị trí thành viên Hội đồng quản trị độc lập để thực hiện quy định về số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm các ứng viên phù hợp tại Đại hội cổ đông gần nhất cho nhiệm kỳ 2022 – 2027 để bảo đảm số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định của pháp luật.

**b. Các tiểu ban thuộc HĐQT:** Không có.

**c. Hoạt động của HĐQT:**

Năm 2024, Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty thông qua 06 phiên họp Hội đồng quản trị và các ý kiến biểu quyết bằng văn bản giữa các phiên họp (bao gồm 11 lần lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản). Các hồ sơ tổ chức lấy ý kiến biểu quyết này được thực hiện theo đúng thủ tục quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan, đúng Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và có sự giám sát của Ban kiểm soát Công ty (các hồ sơ lấy ý kiến Hội đồng quản trị đều được gửi cho các thành viên Ban kiểm soát theo đúng thể thức, nội dung và thời hạn như đối với các thành viên Hội đồng quản trị).

Nội dung chủ yếu của các phiên họp và các hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết của Hội đồng quản trị bao gồm:

- Các nội dung liên quan đến việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm;
- Các nội dung liên quan đến hợp đồng mua bán sỉ nước sạch giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn;
- Các nội dung liên quan đến lương, thưởng, phúc lợi cho người lao động;
- Các nội dung liên quan đến công tác quản lý, điều hành khác.

Năm 2024, Hội đồng quản trị đã ban hành 40 nghị quyết và 04 quyết định liên quan đến công tác quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.



Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2024 bảo đảm tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị đã ban hành, các quy định khác của pháp luật trong việc quản lý, điều hành đơn vị và dưới sự giám sát của Ban kiểm soát Công ty. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đều được Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty báo cáo Hội đồng quản trị xem xét và quyết định dưới sự giám sát của Ban kiểm soát Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đều được thông tin kịp thời về tình hình hoạt động của Công ty.

Việc công bố thông tin luôn tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị đã cùng Ban Giám đốc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 ngày 23/4/2024, tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 26/9/2024 và 03/02/2024 theo đúng quy định.

**d. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:** Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ của mình theo sự phân công của HĐQT.

**e. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:** Không có.

**f. Đào tạo quản trị Công ty:**

Năm 2024, các thành viên HĐQT, BKS, Ban giám đốc, Kế toán trưởng và Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty được tạo điều kiện tham dự các chương trình đào tạo ngắn hạn thuộc lĩnh vực liên quan khác.

**2. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:**

Hội đồng quản trị giám sát đầy đủ Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Hàng quý, Giám đốc lập báo cáo một số chỉ tiêu tài chính gửi Hội đồng quản trị; đồng thời, qua các buổi họp của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo.

Thông qua việc thực hiện chức năng giám sát trên, cho thấy Giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã thực hiện công tác điều hành, quản lý đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định; đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ giữa Giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm hoàn thành chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao; chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, điều hành; đề ra những biện pháp, giải pháp tích cực để thực hiện tốt nhất nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

**3. Thù lao của Hội đồng quản trị:**

**\* Đối với thù lao:**

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2024, Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua mức thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS trong năm 2024 như sau:

- Thành viên HĐQT : 7.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên BKS : 4.000.000 đồng/người/tháng.

(Riêng Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS do đảm nhận công tác chuyên trách nên không nhận thù lao).



**\* Đối với tiền lương:**

- Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS (không hưởng thù lao) hưởng lương chuyên trách theo hệ thống thang bảng lương của doanh nghiệp (áp dụng Thông tư 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 và Thông tư 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 01/9/2016).

- Các thành viên trong Ban Giám đốc hưởng lương người quản lý chuyên trách theo hệ thống thang bảng lương của doanh nghiệp (áp dụng Thông tư 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 và Thông tư 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 01/9/2016).

**\* Đối với tiền thưởng:**

Căn cứ lợi nhuận sau thuế và sau khi đã trích các quỹ theo quy định, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định quỹ thưởng cụ thể cho Ban quản lý, điều hành. Căn cứ quỹ thưởng do Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty sẽ phân phối cho các thành viên.

**\* Các lợi ích khác:**

Ngoài tiền lương, thù lao, tiền thưởng đã trình bày trên, người quản lý công ty được trang bị các phương tiện và dụng cụ làm việc để phục vụ công tác theo quy định.

**V. ĐÁNH GIÁ CHUNG:**

Năm 2024 tình hình kinh tế xã hội và môi trường kinh doanh còn nhiều khó khăn, tuy nhiên Hội đồng quản trị cùng Ban Giám đốc và tập thể CB-CNV Công ty đã cố gắng vượt qua khó khăn thử thách, nỗ lực để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội cổ đông và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV đề ra; đảm bảo thực hiện việc cấp nước an toàn, chất lượng ổn định; đáp ứng 100% nhu cầu sử dụng nước sạch, góp phần vào công tác đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn; đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, quyền lợi cho khách hàng, cổ đông và người lao động.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Phạm Tuấn Anh**





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH  
**BAN KIỂM SOÁT**

Số: 21 /CNBT-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2025

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH;  
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, có hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty;
- Báo cáo tài chính năm 2024 (đã kiểm toán) của Công ty;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản trị Công ty năm 2024.

Ban Kiểm soát kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành năm 2024 như sau:

**I. BÁO CÁO THẨM ĐỊNH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:**

Trên cơ sở định hướng phát triển kinh doanh năm 2024 thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2024, kết quả thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kết quả SXKD năm 2024		Tỷ lệ % thực hiện	
				Kế hoạch	Thực hiện	So với kế hoạch năm 2024	So với thực hiện năm 2023
			<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4 = 3/2</i>	<i>5 = 3/1</i>
1	Sản lượng nước mua sỉ	Triệu m <sup>3</sup>	40.935	42.197	39.986	94,76	97,68
2	Sản lượng nước tiêu thụ	Triệu m <sup>3</sup>	35.709	36.500	36.135	99	101,19



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kết quả SXKD năm 2024		Tỷ lệ % thực hiện	
				Kế hoạch	Thực hiện	So với kế hoạch năm 2024	So với thực hiện năm 2023
			1	2	3	4=3/2	5=3/1
3	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Trong đó: Doanh thu tiền nước	Triệu đồng	529.806 527.271	546.033 544.033	561.465 558.524	102,83 102,66	105,98 105,93
4	Giá bán bình quân	Đồng	14.766	14.905	15.456,6	103,7	104,68
5	Tỷ lệ thực thu đương niên	%	> 99%	100%	>99%	-	-
6	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100%	100%	100%	-	-
7	Tỷ lệ thất thoát nước	%	12,77	13,50	9,63	-	-
8	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	60.130	55.000	59.018	107,31	98,15
9	Cổ tức	%/mệnh giá	13,5	Dự kiến 13,5	Dự kiến 18,6	-	-

Ban Kiểm soát thống nhất với số liệu kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành nêu trên và có một số nhận định sau:

Năm 2024, tình hình kinh tế xã hội trên địa bàn cấp nước còn nhiều khó khăn, nhiều mặt bằng đóng cửa, ngưng kinh doanh kéo dài nên ảnh hưởng đến lượng nước tiêu thụ. Sản lượng nước tiêu thụ năm 2024 là 36,135 triệu m<sup>3</sup>, so với thực hiện năm 2023 đạt 101,19% (tăng 426 ngàn m<sup>3</sup>); đạt 99% kế hoạch năm 2024 (36,500 triệu m<sup>3</sup>). Tuy sản lượng nước đạt thấp so với kế hoạch do các yếu tố khách quan nhưng doanh thu tiền nước năm 2024 đạt 558.524 triệu đồng tăng 2,66% so với kế hoạch, tăng 5,93% so với thực hiện năm 2023 do Công ty đẩy mạnh công tác thu thập số định danh cá nhân góp phần tăng giá bán bình quân.

Giá bán bình quân đạt 15.456,6 đồng/m<sup>3</sup>, tăng 551,6 đồng so với kế hoạch, tăng 690,6 đồng so với thực hiện năm 2023, tiếp tục là mức giá cao nhất so với các công ty khác của SAWACO.

Tỷ lệ thất thoát nước đạt 9,63% đã kéo giảm được 3,87% so với kế hoạch, kéo giảm 3,14% so với cùng kỳ năm 2023, công tác giảm thất thoát nước hiệu quả giúp giảm chi phí mua sỉ nước sạch góp phần tăng lợi nhuận mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Về thực hiện chỉ tiêu tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch: Công ty đã hoàn thành 100% hộ dân trên địa bàn được cung cấp nước sạch từ năm 2013 và tiếp tục duy trì tốt chỉ tiêu này.



Với những chỉ tiêu cơ bản nêu trên, lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2024 đạt 59.018 triệu đồng tăng 7,31% so với kế hoạch, với kết quả này Công ty có thể đảm bảo mức chi trả cổ tức với tỷ lệ dự kiến là 18,6%, đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước, quyền lợi của cổ đông và người lao động.

## 2. Thẩm định tình hình tài chính năm 2024:

Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện tốt Quyết định số 1361/QĐ-KTNN ngày 12/7/2024 của Tổng Kiểm toán Nhà nước; Tổ kiểm toán số 14 thuộc Đoàn Kiểm toán Nhà nước đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2023 của Công ty từ ngày 20/8/2024 đến ngày 27/8/2024. Thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước trong báo cáo kết quả kiểm toán, Công ty đã điều chỉnh hồi tố số liệu thực hiện năm 2023, gồm: phân bổ lại chi phí công cụ dụng cụ, xác định lại chi phí dở dang cuối kỳ, tăng tài sản khoản chi đủ điều kiện ghi nhận TSCĐ, điều chỉnh khoản chi trả tiền công cho người lao động, khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, do vậy lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2023 tăng 4,319 tỷ đồng.

Ban kiểm soát thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY – Chi nhánh TPHCM với nhận định chung như sau: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua một số chỉ tiêu tài chính cơ bản tại thời điểm 31/12/2024 như sau:

Các chỉ tiêu	Năm 2023 (đã điều chỉnh hồi tố)	Năm 2024
<b>5. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,55 lần	1,57 lần
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho (140)</u> <u>Nợ ngắn hạn</u>	1,35 lần	1,35 lần
<b>6. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	33,41 %	31,36 %
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	65,79 %	61,9 %
<b>7. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> <u>Hàng tồn kho bình quân (không gồm CP SXKD dở dang)</u>	32,64	25,97
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,42	1,47



Các chỉ tiêu	Năm 2023 (đã điều chỉnh hồi tố)	Năm 2024
8. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9,05 %	8,38 %
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	25,27 %	24,4 %
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	12,83 %	12,36 %
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	11,23%	10,49 %

Thông qua đánh giá một số chỉ tiêu tài chính cơ bản nêu trên thể hiện trong năm 2024 Công ty đã bảo toàn và phát triển đồng vốn có hiệu quả, đảm bảo khả năng chi trả cho các khoản nợ đến hạn.

Hàng tồn kho cuối năm 2024 tăng 34,49% so với năm 2023, giá trị hàng tồn kho vẫn còn cao nhằm chủ động cung cấp kịp thời vật tư thi công các công trình XD CB phục vụ công tác chống thất thoát nước. Công ty cần tăng cường thực hiện các giải pháp quản lý hiệu quả hàng tồn kho, đảm bảo thực hiện đúng quy định về quản lý tài chính, đảm bảo cho việc sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả, nâng cao năng lực hoạt động của Công ty.

Qua kết quả trên cho thấy, tập thể CB-CNV Công ty đã phấn đấu thực hiện tốt những chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội cổ đông và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn đề ra. Việc cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất của nhân dân và khách hàng trên địa bàn luôn đảm bảo, ổn định chất lượng, đáp ứng được 100% nhu cầu sử dụng nước sạch, góp phần vào công tác đảm bảo an sinh xã hội của Thành phố.

Các chế độ phúc lợi, quyền lợi của người lao động được thực hiện đúng Luật lao động, thỏa ước lao động; việc chi trả lương hàng tháng được thực hiện đúng hạn; các chế độ thi đua khen thưởng cũng như các khoản phúc lợi được thực hiện đầy đủ theo kế hoạch đề ra, đảm bảo tiền lương và thu nhập của người lao động tăng hàng năm tương ứng với năng suất lao động và kết quả sản xuất kinh doanh.

## II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

### 1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm 2024:

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, Ban Kiểm soát đã tiến hành thực hiện các công việc chủ yếu như sau:

- Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; đề xuất Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty; báo cáo thẩm định các nội dung chủ yếu để chuẩn bị tổ chức Đại hội cổ đông thường niên.

- Giám sát công tác quản lý của Hội đồng quản trị và công tác điều hành của Ban Giám đốc Công ty.

- Tham dự các buổi họp giao ban định kỳ hàng tháng nắm bắt thông tin kịp thời về tình hình hoạt động của Công ty.

- Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị; giám sát việc thực hiện lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.



- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Rà soát các báo cáo tài chính hàng quý của Công ty; Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ cho Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên Tổng Công ty theo quy định (căn cứ Quyết định số 21/QĐ-TCT-HĐTV ngày 18/11/2024 về Quy chế hoạt động và đánh giá đối với người được Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn đề cử tham gia Trưởng ban Kiểm soát, Kiểm soát viên tại các Công ty cổ phần).

- Phối hợp với các bộ phận liên quan giám sát công tác kiểm kê hóa đơn tiền nước tồn thu; giám sát kiểm kê tồn quỹ tiền mặt năm 2024 của Công ty; giám sát việc kiểm kê tài sản, vật tư phục vụ công tác lập Báo cáo tài chính bán niên và năm 2024 của Công ty.

## **2. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát:**

Năm 2024, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 phiên họp, nội dung họp thông qua báo cáo thẩm định tình hình SXKD hàng quý của Công ty, thông qua các nội dung chuẩn bị họp Hội đồng Quản trị, nội dung báo cáo định kỳ hàng quý cho Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên Tổng Công ty theo quy định; về góp ý dự thảo quy chế hoạt động và đánh giá của người được Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn đề cử tham gia Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại các công ty cổ phần cấp nước; thông qua báo cáo thẩm định các nội dung chủ yếu để chuẩn bị tổ chức Đại hội cổ đông thường niên của Công ty (theo Kế hoạch số 28/KH-TCT-HĐTV ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng thành viên); thông qua báo cáo thẩm định về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành (thực hiện Công văn số 3425/TCT-TCNS ngày 06/06/2024 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn).

Trong quá trình làm việc, Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi công việc qua các phương tiện email, điện thoại để nắm bắt thông tin kịp thời, liên tục.

## **3. Tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát:**

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã biểu quyết thông qua mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát trong năm 2024 như sau:

+ Kiểm soát viên: 4.000.000 đồng/người/tháng.

(Riêng Trưởng Ban kiểm soát do đảm nhận công tác chuyên trách nên không nhận thù lao).

Trưởng Ban kiểm soát hưởng lương chuyên trách theo hệ thống thang bảng lương của doanh nghiệp (áp dụng Thông tư 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 và Thông tư 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 01/9/2016).

Công ty đã chi và hạch toán tiền lương, thưởng và các lợi ích khác cho Trưởng Ban kiểm soát và tiền thù lao, tiền thưởng cho các Kiểm soát viên theo đúng quy định.

## **4. Kết quả giám sát công tác quản lý của Hội đồng Quản trị:**

Năm 2024, Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty thông qua 06 phiên họp Hội đồng quản trị và các ý kiến biểu quyết bằng văn bản giữa các phiên họp, đã ban hành 40 nghị quyết và 04 quyết định liên quan đến công tác quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2024 bảo đảm tuân thủ đúng quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty,



Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, thực hiện đầy đủ chế độ họp định kỳ và tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản giữa các phiên họp đối với các vấn đề cấp bách liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị đã kịp thời thông qua các nội dung liên quan đến việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, về hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn, về tiền lương, thưởng và các khoản phúc lợi của người lao động, về công tác quản lý, điều hành của Công ty.

Việc công bố thông tin luôn tuân thủ quy định của pháp luật, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của Công ty.

Nhìn chung, Hội đồng quản trị đã kịp thời chỉ đạo giải quyết các vướng mắc khó khăn trong sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho Ban Giám đốc điều hành hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã đề ra.

Trong năm 2024, thực hiện nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị phân công, Bộ phận Kiểm toán nội bộ Công ty cũng đã triển khai thực hiện một số chuyên đề cụ thể rà soát, kiểm tra về tình hình hoạt động SXKD của Công ty. Qua báo cáo kết quả kiểm tra ghi nhận đã góp phần nâng cao năng lực quản lý của Công ty được tốt hơn.

#### **5. Kết quả giám sát công tác điều hành của Ban Giám đốc Công ty:**

Ban Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, quy định của Nhà nước trong điều hành sản xuất kinh doanh. Chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ, chính sách đối với người lao động.

Trong năm 2024, Công ty có những cải tiến về cơ cấu tổ chức, quản lý như: phát triển hoạt động trung tâm vận hành mạng lưới cấp nước (NOC), hoàn thành xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, áp dụng hiệu quả mô hình 5S, áp dụng chữ ký số và chữ ký điện tử trong việc xử lý văn bản nội bộ của Công ty, đẩy mạnh các dịch vụ trực tuyến,...đồng thời tiếp tục ứng dụng nhiều tiện ích công nghệ thông tin, phần mềm trong công tác quản lý và phục vụ khách hàng, tạo tiền đề quan trọng cho công tác cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng theo chiều sâu.

Thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát việc mua sắm vật tư, trang thiết bị; kiểm kê vật tư, tài sản và xử lý vật tư, tài sản sau kiểm kê; tổ chức đấu thầu mua sắm vật tư, máy móc thiết bị đúng quy định.

Thực hiện nghiêm chế độ kiểm toán độc lập, báo cáo định kỳ theo quy định đối với công ty đại chúng; thực hiện chế độ công bố thông tin định kỳ và bất thường trên thị trường chứng khoán nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của Công ty.

#### **6. Đánh giá sự phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

Trong năm qua, trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện chức năng giám sát công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng, báo cáo tài chính hàng quý, năm



của Công ty và giám sát việc thực hiện lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản. Việc kiểm soát được Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tạo điều kiện thuận lợi, được thông tin kịp thời về tình hình hoạt động của Công ty.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều mời Ban kiểm soát tham dự, Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ thông tin các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát cũng đã trao đổi, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo của Ban kiểm soát theo quy định.

### III. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ

Trong năm 2024, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh nhưng với sự nỗ lực và quyết tâm, Công ty đã thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Công tác quản lý tài chính hiệu quả, từng bước tích lũy vốn để đầu tư phát triển tạo ra các giá trị bền vững cho Công ty.

Thường xuyên tăng cường quản lý công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ đảm bảo sử dụng vốn đầu tư hiệu quả, thực hiện đúng quy định pháp luật về đầu tư xây dựng, đấu thầu và các quy định hiện hành có liên quan. Chủ động mua sắm vật tư theo đúng kế hoạch SXKD phù hợp tiến độ XDCB để tránh tồn kho nhiều ảnh hưởng đến tình hình tài chính Công ty, thường xuyên rà soát và có phương án thanh lý các vật tư chậm luân chuyển nhằm nâng cao chỉ tiêu năng lực hoạt động của Công ty.

Thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước theo Thông báo số 79/TB-KVIV ngày 11/11/2024 về kết quả kiểm toán tại Công ty; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để công tác quản lý được chặt chẽ hơn, tập trung kiểm soát tốt dòng tiền, cân đối chi phí hợp lý, tăng cường công tác quản lý tài chính hiệu quả, khắc phục những tồn tại nhằm giảm đến mức thấp nhất những kiến nghị của Đoàn Kiểm toán Nhà nước hậu kiểm định kỳ.

Căn cứ văn bản số 183/TCT-HĐTV ngày 11/11/2024 của Hội đồng thành viên về việc trích lập, sử dụng Quỹ đầu tư phát triển tại các Công ty cổ phần có vốn góp của Tổng Công ty, đề nghị Công ty triển khai xây dựng phương án sử dụng đúng mục đích nguồn Quỹ đầu tư phát triển đã trích, theo đề xuất của Công ty sử dụng “Quỹ đầu tư phát triển để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị và điều kiện làm việc của Công ty...” (trong Quy chế tài chính của Công ty đã ban hành) đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng ổn định và phát triển, công tác quản lý ngày càng hiện đại, hiệu quả.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Nơi nhận:**

- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu: VT, BKS.



**Nguyễn Thị Thu Hương**









## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**







## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 trình bày từ trang 07 đến trang 43 kèm theo.

### **KHÁI QUÁT CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành là công ty cổ phần, được thành lập từ quá trình cổ phần hóa Chi nhánh Cấp nước Bến Thành thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV theo Quyết định số 6652/QĐ-UBND ngày 30/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103005880 đăng ký lần đầu ngày 08/01/2007, theo Giấy Chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần số 0304789925 (được đổi từ số 4103005880) đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 29/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính tại số 194 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là: Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất; Xây dựng công trình cấp nước; Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Tuấn Anh - Chủ tịch (Bổ nhiệm kể từ ngày 26/09/2024)

Bà Phạm Thị Thanh Vân - Chủ tịch (Miễn nhiệm kể từ ngày 01/08/2024)

Bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt - Thành viên (Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/08/2024 đến 25/09/2024)

Ông Nguyễn Doãn Xã - Thành viên

Bà Nguyễn Thị Bảo Châu - Thành viên

Ông Trần Quang Phương - Thành viên

Ông Tạ Chương Lâm - Thành viên

Ông Hồ Lê Minh - Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Trưởng ban

Bà Phạm Thị Phương Linh - Thành viên

Bà Phạm Thiên Trinh - Thành viên

#### **Ban Giám đốc**



Ông Nguyễn Doãn Xã - Giám đốc

Ông Phạm Chí Thiện - Phó Giám đốc

Ông Trương Tấn Quốc - Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Hữu Cường.

### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Doãn Xã - Giám đốc.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại TP.HCM.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm



bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**NGUYỄN DOÃN XÃ**

**Giám đốc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025*







## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 26 tháng 03 năm 2025, trình bày từ trang 07 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 5 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Trong năm, Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố theo Thông báo Kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành số 79/TB-KVIV ngày 11/11/2024 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV. Ngoài ra, căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 ngày 23/04/2024, Công ty đã trích lại quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023. Theo đó, số dư đầu kỳ của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được trình bày lại.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính này, theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 220324.003/BCTC.FIS1 ngày 22/03/2024.

---

**Phan Thanh Điền**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số: 1496-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

**- CHI NHÁNH TẠI TP.HCM**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025*

---

**Hà Thị Thanh Thúy**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số: 4707-2024-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024 (Trình bày lại)
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>178.097.486.297</b>	<b>178.322.224.365</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>85.407.192.689</b>	<b>98.272.973.450</b>
Tiền	111		80.407.192.689	83.272.973.450
Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	15.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>7</b>	<b>46.100.000.000</b>	<b>42.100.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		46.100.000.000	42.100.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.214.343.899</b>	<b>8.690.090.524</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	11.460.895.440	10.706.172.074
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	425.076.088	142.650.508
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	482.323.508	699.399.670
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8, 11	(3.153.951.137)	(2.858.131.728)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>25.064.720.944</b>	<b>22.857.326.731</b>
Hàng tồn kho	141		25.064.720.944	23.718.057.872
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(860.731.141)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.311.228.765</b>	<b>6.401.833.660</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	6.990.225.337	3.551.949.606
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.968.957.750	2.651.127.513
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	1.352.045.678	198.756.541
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>202.597.603.726</b>	<b>195.467.161.051</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>366.696.346</b>	<b>366.696.346</b>
Phải thu dài hạn khác	216	10	1.524.665.431	1.524.665.431
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10, 11	(1.157.969.085)	(1.157.969.085)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>196.427.404.258</b>	<b>188.212.008.036</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	194.346.970.559	186.550.933.288
- Nguyên giá	222		495.807.472.999	450.525.129.770
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(301.460.502.440)	(263.974.196.482)
Tài sản cố định vô hình	227	15	2.080.433.699	1.661.074.748
- Nguyên giá	228		6.592.603.520	5.752.853.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.512.169.821)	(4.091.778.772)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.576.579.738</b>	<b>6.888.456.669</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	5.576.579.738	6.888.456.669
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>226.923.384</b>	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	226.923.384	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>380.695.090.023</b>	<b>373.789.385.416</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024 (Trình bày lại)
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>119.398.565.672</b>	<b>124.874.192.643</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>113.553.690.951</b>	<b>114.997.874.454</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	66.528.204.283	70.849.952.332
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	1.869.994.097	2.868.189.023
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	14.608.391.079	11.753.452.345
Phải trả người lao động	314		12.531.418.331	10.875.804.501
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	941.852.070	4.465.420.166
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	3.852.275.509	2.282.079.831
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	4.031.843.468	4.031.843.468
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.189.712.114	7.871.132.788
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.844.874.721</b>	<b>9.876.318.189</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	5.844.874.721	9.876.318.189
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>261.296.524.351</b>	<b>248.915.192.773</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>261.296.524.351</b>	<b>248.915.192.773</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		93.600.000.000	93.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		93.600.000.000	93.600.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		99.278.821.947	99.278.821.947
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		68.417.702.404	56.036.370.826
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		21.358.739.026	8.072.910.294
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		47.058.963.378	47.963.460.532
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>380.695.090.023</b>	<b>373.789.385.416</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
Tạ Thị Kiều Vân

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
Nguyễn Hữu Cường

**GIÁM ĐỐC**  
Nguyễn Doãn Xã



# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại)
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>561.464.712.365</b>	<b>529.806.369.062</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>561.464.712.365</b>	<b>529.806.369.062</b>
Giá vốn hàng bán	11	25	344.741.338.039	330.408.378.019
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>216.723.374.326</b>	<b>199.397.991.043</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.921.358.478	4.337.189.507
Chi phí tài chính	22	27	841.437.766	1.396.986.527
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		841.437.766	1.396.986.527
Chi phí bán hàng	25	28	98.134.217.686	88.981.511.913
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	60.774.637.590	53.839.824.738
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>58.894.439.762</b>	<b>59.516.857.372</b>
Thu nhập khác	31	30	126.999.638	1.172.768.572
Chi phí khác	32	31	3.332.534	559.320.157
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>123.667.104</b>	<b>613.448.415</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>59.018.106.866</b>	<b>60.130.305.787</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	11.959.143.488	12.166.845.255
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>47.058.963.378</b>	<b>47.963.460.532</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>33</b>	<b>5.028</b>	<b>3.631</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>34</b>	<b>5.028</b>	<b>3.631</b>

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025*

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**Tạ Thị Kiều Vân**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**Nguyễn Hữu Cường**

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Doãn Xá**





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại)
		VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>59.018.106.866</b>	<b>60.130.305.787</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	37.906.697.007	36.633.455.575
Các khoản dự phòng	03	(564.911.732)	207.002.066
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.921.358.478)	(5.200.549.326)
Chi phí lãi vay	06	841.437.766	1.396.986.527
<b>Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>95.279.971.429</b>	<b>93.167.200.629</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(2.104.355.671)	(2.278.063.765)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(1.346.663.072)	(5.601.750.736)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.530.691.281)	(21.792.636.114)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(3.665.199.115)	(1.388.549.606)
Tiền lãi vay đã trả	14	(854.478.973)	(1.413.667.732)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.134.867.462)	(15.557.387.933)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	100.366.667	102.040.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12.755.099.141)	(9.169.678.006)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>58.988.983.381</b>	<b>36.067.506.737</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(45.060.538.884)	(43.614.372.527)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	863.359.819
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị	23	(27.000.000.000)	(26.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	23.000.000.000	45.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.021.032.726	4.651.295.259
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(47.039.506.158)</b>	<b>(19.099.717.449)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.031.443.468)	(4.031.443.468)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.783.814.516)	(19.995.104.950)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(24.815.257.984)</b>	<b>(24.026.548.418)</b>

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại)
		VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(12.865.780.761)	(7.058.759.130)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	98.272.973.450	105.331.732.580
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	<u>85.407.192.689</u>	<u>98.272.973.450</u>

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025*

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
Tạ Thị Kiều Vân

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
Nguyễn Hữu Cường

**GIÁM ĐỐC**  
Nguyễn Doãn Xã



**TỜ TRÌNH****Vv: Phân phối lợi nhuận năm 2024 và chia cổ tức cho cổ đông từ lợi nhuận còn lại năm 2023 trở về trước**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Công ty xin báo cáo tình hình lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2024 và dự kiến phân phối lợi nhuận trong năm 2025 như sau:

**I. Về tình hình lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến 31/12/2024**

1. Lợi nhuận trước thuế năm 2024	59.018.106.866	đồng
2. Thuế TNDN năm 2024	11.959.143.488	đồng
3. Lợi nhuận sau thuế năm 2024 (1) – (2)	47.058.963.378	đồng
4. Lợi nhuận còn lại năm 2023 trở về trước theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2024	17.040.110.666	đồng
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 tăng thêm theo kiến nghị KTN	4.318.628.360	đồng
<b>Tổng cộng (3) + (4) + (5)</b>	<b>68.417.702.404</b>	<b>đồng</b>

**II. Về trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2024**

1. Quỹ đầu tư phát triển	14.108.705.145 đồng	chiếm tỷ lệ: 29,98 %
2. Quỹ khen thưởng	7.170.077.880 đồng	chiếm tỷ lệ: 15,24 %
3. Quỹ phúc lợi	7.973.699.253 đồng	chiếm tỷ lệ: 16,94 %
4. Quỹ thưởng người quản lý công ty	396.881.100 đồng	chiếm tỷ lệ: 0,84 %
5. Chia cổ tức cho cổ đông (18,6% mệnh giá)	17.409.600.000 đồng	chiếm tỷ lệ: 37,00 %
6. Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối năm 2024	- đồng	chiếm tỷ lệ: - %
<b>Tổng cộng</b>	<b>47.058.963.378 đồng</b>	<b>100%</b>

**III. Về chia cổ tức cho cổ đông từ lợi nhuận còn lại năm 2023 trở về trước**

- Lợi nhuận còn lại từ năm 2023 trở về trước chưa phân phối	21.358.739.026 đồng
- <b>Chia cổ tức cho cổ đông trong năm 2025 (9,00% mệnh giá)</b>	<b>8.424.000.000 đồng</b>
- Lợi nhuận còn lại từ năm 2023 trở về trước sẽ phân phối theo lộ trình 2026-2027	12.934.739.026 đồng

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Kế toán trưởng Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH****Phạm Tuấn Anh**





Số: 08 /CNBT-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2025

**BÁO CÁO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN  
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Trên cơ sở kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo định hướng phát triển và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

**I. NHẬN ĐỊNH VỀ TÌNH HÌNH KINH DOANH**

Năm 2025 là năm có ý nghĩa rất quan trọng đối với đất nước, trong bối cảnh cả nước đã và đang chuẩn bị tốt các nguồn lực, tiến hành cải cách mạnh mẽ để bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, đây chính là thời điểm quan trọng đòi hỏi doanh nghiệp phải đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh, vươn tầm quốc tế để phát triển bền vững, đồng thời đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Công ty đặt mục tiêu, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục, chất lượng, đủ áp lực đáp ứng đủ nhu cầu cho người dân, khách hàng. Duy trì 100% các hộ dân, được cung cấp nước sạch. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, chủ động thích ứng, chuyển đổi phương thức làm việc, từng bước hiện đại và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, hướng tới mục tiêu “Vì chất lượng cuộc sống”.

**II. MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH**

Để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025 đạt hiệu quả cao, Công ty đề ra các mục tiêu như sau:

- Bảo đảm cung cấp nước an toàn, liên tục, chất lượng, đủ áp lực đáp ứng đủ nhu cầu cho người dân, khách hàng; duy trì liên tục tỷ lệ 100% hộ dân được cung cấp nước sạch.
- Phân đầu đạt sản lượng nước tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức theo chỉ tiêu kế hoạch đề ra; bảo toàn và phát triển vốn Công ty.
- Tập trung đầu tư hoàn chỉnh mạng lưới cấp nước trên địa bàn thông qua công tác phát triển, cải tạo, sửa chữa mạng lưới bảo đảm chất lượng gắn liền chống thất thoát nước.
- Giảm tỷ lệ thất thoát nước theo đúng lộ trình có hiệu quả nhất đến cuối năm 2025 dưới 10,6%, tiến tới đạt điểm hoà vốn và thu hồi vốn đầu tư đạt hiệu quả kinh tế cao.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ nhằm tăng năng suất lao động, giảm



thất thoát nước, nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, chất lượng phục vụ khách hàng, xây dựng hệ thống cấp nước thông minh.

- Cải thiện môi trường, điều kiện làm việc, giúp người lao động thoải mái, phát huy khả năng sáng tạo, nhằm tăng năng suất lao động, góp phần tăng phúc lợi và thu nhập của người lao động.

- Xây dựng Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành là doanh nghiệp phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và thực hiện đầy đủ trách nhiệm với xã hội, nghĩa vụ với Nhà nước; bảo đảm hài hòa quyền lợi của cổ đông, đối tác, khách hàng và người lao động.

### III. CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ tăng trưởng năm 2025 so với năm 2024 (%)
		(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)
1	Sản lượng nước mua sỉ	Triệu m <sup>3</sup>	39,986	41,275	103,22
2	Sản lượng nước tiêu thụ	Triệu m <sup>3</sup>	36,135	36,900	102,12
3	Doanh thu tiền nước	Triệu đồng	558.524	575.456	103,03
4	Giá bán bình quân	Đồng	15.456,62	15.595	100,9
5	Tỷ lệ thực thu đương niên	%	99,02	100	-
6	Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch	%	100	100	-
7	Tỷ lệ thất thoát nước	%	9,63	10,6	-
8	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	59.018	59.500	100,8
9	Cổ tức năm hiện tại Cổ tức bổ sung	%/mệnh giá	18,6 9	Dự kiến 18,6	-

\* Kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm và sửa chữa năm 2025:

STT	Tổng nguồn vốn	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch năm 2025		
			Khối lượng (mét)	Giá trị khối lượng (triệu đồng)	Giá trị giải ngân (triệu đồng)
		174.965	10.641	128.402	93.678
1	Vốn kinh doanh	51.619	5.491	32.611	23.657
2	Vốn sửa chữa	123.346	5.150	95.791	70.021



## **IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Nhiệm vụ trọng tâm:**

- Triển khai thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025, trong đó tập trung hoàn thành tốt nhiệm vụ cấp nước trên địa bàn, bảo đảm có sự tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh, đưa Công ty phát triển theo định hướng đề ra.

- Bảo đảm cung cấp nước an toàn, thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ thất thoát nước đến cuối năm 2025 dưới 10,6%; duy trì tỷ lệ 100% hộ dân sử dụng nước sạch. Đồng thời, tập trung đầu tư xây dựng sửa chữa, cải tạo mạng lưới cấp nước với các trang thiết bị tiên tiến, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý và nâng cao dịch vụ khách hàng; từng bước xây dựng hệ thống cấp nước thông minh. Bên cạnh đó, ứng dụng công nghệ thông tin, thiết bị thông minh trong quản lý, vận hành hệ thống cấp nước; nghiên cứu, ứng dụng lựa chọn công nghệ và thiết bị tiên tiến, có chế độ tự động hoá cao, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước, thân thiện môi trường và bảo đảm cấp nước an toàn; đồng thời chăm sóc và phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn. Xây dựng đồng bộ cơ sở dữ liệu về hệ thống cấp nước, chủ động khắc phục các rủi ro về cung cấp nước.

- Nâng cao năng lực quản trị và quản lý doanh nghiệp trên cơ sở vận dụng và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức để vận hành hiệu quả và phù hợp với định hướng phát triển của Công ty. Chú trọng công tác tạo dựng nền tảng hỗ trợ và củng cố văn hoá doanh nghiệp, tác phong làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả. Các hoạt động kinh doanh và tác nghiệp hàng ngày của Công ty phù hợp theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

### **2. Giải pháp chủ yếu:**

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý, chính quyền địa phương triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, sửa chữa và mua sắm theo kế hoạch năm 2025; tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện cũng như tiến độ giải ngân để bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư và kế hoạch đề ra.

- Thực hiện đồng bộ các công tác phát triển mạng lưới, gắn mới đồng hồ nước nhằm tiếp tục duy trì chỉ tiêu 100% khách hàng trên địa bàn được cung cấp nước sạch và hướng đến việc giảm dần cấp nước bằng các giải pháp tạm.

- Phối hợp với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV thực hiện các chương trình vận động người dân sử dụng nước sạch; tuyên truyền về nguy cơ, tác hại của việc khai thác nước ngầm không kiểm soát, nhất là tại các khu vực có nhiều số lượng đồng hồ nước từ 0 – 4 m<sup>3</sup>.

- Triển khai thực hiện kế hoạch giảm thất thoát nước theo đề án giai đoạn năm 2022-2025 với các biện pháp cụ thể nhằm kéo giảm và duy trì, hướng đến giảm tỷ lệ thất thoát nước kinh tế.

- Bảo đảm chất lượng vật tư, thiết bị, phụ kiện thay thế chuyên ngành cũng như tổ chức thực hiện thi công, giám sát bảo đảm chất lượng công trình gắn với công tác phối hợp hạ tầng kỹ thuật và tái lập mặt đường đạt yêu cầu quy định quản lý hạ tầng kỹ thuật của Nhà nước.

- Tập trung đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng các giải pháp công nghệ thông minh, giải pháp chuyển đổi số trong các lĩnh vực nhằm tối ưu hoá quy trình



công việc, tiết kiệm chi phí, tăng doanh thu và mang lại trải nghiệm cho khách hàng phù hợp với yêu cầu phát triển của Cách mạng công nghệ 4.0.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước chuyển đổi số, tiếp tục phát triển các ứng dụng trên nền tảng dữ liệu hiện có; đầu tư, nâng cấp ứng dụng trung tâm vận hành mạng lưới cấp nước NOC; nâng cao chất lượng Tổng đài điện thoại Call Center (dịch vụ/trung tâm chăm sóc khách hàng) hoạt động 24/7 để tiếp nhận, giải đáp thắc mắc của khách hàng và phối hợp xử lý nhanh các sự cố trên mạng lưới cấp nước; tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh sự cố liên quan qua hệ thống tổng đài 1022 của Thành phố.

- Hiện đại hoá trang thiết bị kỹ thuật quản lý hạ tầng mạng lưới cấp nước; nghiên cứu bổ sung thực hiện các dịch vụ sau đồng hồ nước khách hàng.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ lao động; tập trung hoàn thiện thể chế, tổ chức bộ máy, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại; nâng cao hiệu quả công tác truyền thông doanh nghiệp, triển khai thực hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015.

- Hoàn thiện các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công tác bằng hệ thống đánh giá KPIs phù hợp với thực tế; tiếp tục khoán lương cho các phòng, ban, đội, bộ phận nhằm nâng cao năng suất lao động, đánh giá đúng kết quả công việc và nâng cao thu nhập.

- Bảo đảm tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, bảo toàn và phát triển nguồn vốn; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sinh hoạt thường xuyên cũng như trong sản xuất kinh doanh, đầu tư.

- Thực hiện nghiêm chế độ kiểm toán độc lập, công bố thông tin theo quy định đối với công ty niêm yết; phát huy hiệu quả công tác kiểm toán nội bộ; xây dựng các quy định, quy chế quản trị nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.

Trên đây là định hướng phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025. Để có cơ sở cho Hội đồng quản trị và Ban quản lý, điều hành triển khai thực hiện, đồng thời để có thể điều chỉnh các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu (như doanh thu, lợi nhuận,...) trong năm 2025 phù hợp với tình hình thực tế, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét:

1. Chấp thuận thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, bao gồm các mục tiêu định hướng, chỉ tiêu và giải pháp chủ yếu nêu trên.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu và các giải pháp (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế trong năm 2025.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**Phạm Tuấn Anh**





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH  
**BAN KIỂM SOÁT**

Số 92 /TTr-CNBT-BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2025

### **TỜ TRÌNH**

#### **Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, có hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty,

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua danh sách 03 công ty kiểm toán độc lập dưới đây để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành:

<b>Số TT</b>	<b>TÊN CÔNG TY</b>	<b>ĐỊA CHỈ</b>
1	Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC	Số 1 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
2	Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam	Nhà Indochina - Tầng 2, Số 4 đường Nguyễn Đình Chiểu, phường ĐaKao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
3	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY – Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Lầu 4, 63B Calmette, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty lựa chọn Công ty kiểm toán trong danh sách trên để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.

3. Về mức phí kiểm toán, giao Giám đốc Công ty thương thảo với Công ty kiểm toán được chọn đảm bảo mức phí kiểm toán hợp lý.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Kế toán trưởng Công ty;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Thị Thu Hương**





**TỜ TRÌNH**

**Về mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát  
và Người phụ trách quản trị kiêm nhiệm Thư ký HĐQT Công ty năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, có hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty,
- Theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty,

Tại phiên họp thứ 1 – Năm 2025 (Nhiệm kỳ 2022 – 2027) vào ngày 14/3/2025, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) và Người phụ trách quản trị kiêm nhiệm Thư ký HĐQT Công ty năm 2025 (bằng như năm 2024), cụ thể như sau:

- Thành viên HĐQT : 7.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên BKS : 4.000.000 đồng/người/tháng
- Người phụ trách quản trị kiêm nhiệm Thư ký HĐQT : 4.000.000 đồng/người/tháng
- Riêng Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS do đảm nhận công tác chuyên trách nên không nhận thù lao.

Mức thù lao nói trên tương ứng với mặt bằng thù lao chung hiện đang áp dụng tại các công ty cổ phần cấp nước trong Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, đồng thời có sự ghi nhận những nỗ lực của thành viên HĐQT, thành viên BKS trong công tác điều hành, mang lại hiệu quả SXKD cho đơn vị.

Căn cứ quy định tại điểm i khoản 2 Điều 15 của Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty, việc xác định thù lao của HĐQT và BKS thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, do đó Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua vấn đề trên.

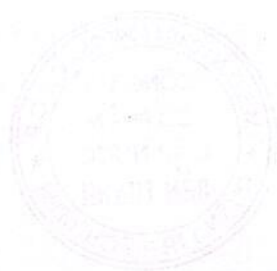
Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.



**Phạm Tuấn Anh**





**TỜ TRÌNH**

**Báo cáo kết quả thực hiện Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2024; thông qua đơn giá Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo, ký kết Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (điều chỉnh) năm 2025 giữa Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

**I. Về việc Báo cáo kết quả thực hiện Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2024:**

Căn cứ Điều 10 Nghị quyết ngày 23/04/2024 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo, ký kết Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (điều chỉnh) năm 2024 giữa Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV.

Ngày 10/01/2025, Công ty nhận được đề nghị của Tổng Công ty về việc điều chỉnh đơn giá Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2024 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành (công văn số 279/TCT-KDDVKH).

Theo kết quả biểu quyết của Hội đồng quản trị (các thành viên Hội đồng quản trị là người có liên quan không được tham gia biểu quyết). Ngày 21/01/2025, Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CNBT-HĐQT chấp thuận **thông qua việc ký kết Bản thoả thuận về đơn giá Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2024; Phụ lục hợp đồng điều chỉnh đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2024 với đơn giá điều chỉnh từ 7.091,65đ/m<sup>3</sup> thành 7.422,83đ/m<sup>3</sup> (đơn giá chưa thuế GTGT 5%),** đồng thời Công ty cũng đã thực hiện quy định công bố thông tin.

**II. Về việc thông qua đơn giá Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo, ký kết Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (điều chỉnh) năm 2025 giữa Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV:**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021 (sau đây gọi tắt là “**Luật Doanh nghiệp năm 2020**”) và Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty ban hành ngày 21/04/2022 (sau đây gọi tắt là “**Điều lệ Công ty**”), cụ thể:

- Tại **điểm a khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020**: Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với “**Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ**”.

- Tại **khoản 2 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp năm 2020**: Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định đối với các hợp đồng, giao dịch “**có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty**”.



- Tại **điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020**: Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền quyết định đối với các “hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này” (tức là các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp trở lên ghi trong báo cáo tài chính gần nhất).

Tại **điểm r khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty**: Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền thông qua quyết định về việc “Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán”.

Theo kết quả thực hiện năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty; trong 2025 Công ty sẽ thương thảo Bản thỏa thuận và ký kết hợp đồng mua sỉ nước sạch với Tổng Công ty với đơn giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng là **7.422,83 đ/ m<sup>3</sup>**, dự kiến tổng giá trị phải thanh toán theo các bản thỏa thuận và hợp đồng này sẽ lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty. Trong trường hợp này, căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty hiện hành, **nội dung giao dịch trên thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.**

Qua các nội dung trình bày, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét:

1. Chấp thuận cho Giám đốc Công ty (người đại diện pháp luật) triển khai ký kết Bản thỏa thuận và Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025 giữa Công ty và Tổng Công ty với đơn giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng là **7.422,83 đ/m<sup>3</sup>**.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt chủ trương để **thương thảo Bản thỏa thuận và ký hợp đồng Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch điều chỉnh** khi có sự thay đổi đơn giá. Trong trường hợp này, tổng giá trị khoản chênh lệch Bản thỏa thuận và Hợp đồng mua sỉ nước sạch sau điều chỉnh so với trước điều chỉnh nhỏ hơn 35% giá trị tổng tài sản Báo cáo tài chính gần nhất, Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện việc ủy quyền này trong kỳ Đại hội đồng cổ đông năm 2026.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**Đính kèm tờ trình:**

- Dự thảo Bản thỏa thuận và Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 1 năm 2025 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Phạm Tuấn Anh**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025*

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN SỈ NƯỚC SẠCH**

**KỶ 01 NĂM 2025**

**Số: \_\_\_\_\_/HĐ-TCT-KDDVKH**

*Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Bản thỏa thuận ngày ... tháng ... năm 2025 về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 01 năm 2025 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành;*

*Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;*

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2025, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV, số 01 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

**BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN (Bên bán)**

Trụ sở chính: Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974.

Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 622.043.110.110.0091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế: 0301129367

Do Ông : **Nguyễn Thanh Sử**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 8530/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ông Trần Quang Minh – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.



**BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH** (*Bên mua*)

Trụ sở chính : Số 194 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 297 147

Fax: (84.8) 38 229 778

Tài khoản số : 622.021.145.0011 tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Chợ Lớn – Chi nhánh Hòa Bình.

Mã số thuế : 0304789925

Do Ông : **Nguyễn Doãn Xã**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Thông nhất ký kết Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 01 năm 2025 theo các điều khoản sau:

**Điều 1: Khối lượng nước mua bán.**

1.1 Bên A bán và Bên B mua khối lượng nước được xác định hàng kỳ qua các đồng hồ tổng, bao gồm: đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Danh sách các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này. Các đồng hồ tổng được định nghĩa như sau:

1.1.1 Đồng hồ tổng nguồn: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước đi vào mạng lưới cấp nước của Bên B.

1.1.2 Đồng hồ tổng tách mạng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước qua lại giữa mạng lưới cấp nước của Bên B với Bên thứ ba có hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Bên A.

1.1.3 Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:

1.1.3.1. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài khối (tuyến ống) của Bên B, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng được nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2 của điều này.

1.1.3.2. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài khối (tuyến ống) của Bên A (nếu có).

1.2 Cân chỉnh và kiểm tra đồng hồ tổng:

1.2.1 Đồng hồ tổng phải đáp ứng các yêu cầu kiểm định theo quy định về đo lường của Nhà nước khi đưa vào sử dụng.

1.2.2 Định kỳ 05 (năm) năm một lần đối với đồng hồ cơ khí và định kỳ 03 (ba) năm một lần đối với đồng hồ điện tử, hai bên sẽ tiến hành kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng để đảm bảo đồng hồ tổng luôn trong tình trạng hoạt động tốt. Chi phí kiểm tra, cân chỉnh do Bên A chịu.

1.2.3 Trong trường hợp một hoặc hai bên có yêu cầu kiểm tra, cân chỉnh do nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng, thì hai bên sẽ cùng thực hiện hoặc thuê bên thứ ba có chức năng thực hiện việc kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng. Chi phí sẽ do bên yêu cầu chịu. Trong thời gian kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng thì Bên A sẽ thay thế bằng đồng hồ tổng khác



để đo đếm lượng nước mua bán. Trường hợp không có đồng hồ tổng thay thế thì lượng nước mua bán sẽ được tính trung bình ngày của 03 (ba) kỳ liên kế trước đó.

- 1.2.4 Các kết quả kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng phải được lập thành văn bản có xác nhận của các bên tham gia.
- 1.2.5 Nếu đồng hồ tổng được xác định là sai, bên A sẽ thực hiện việc sửa chữa, thay thế trong thời gian sớm nhất.
- 1.3 Khối lượng nước mua bán trong một kỳ được xác định như Điều 2 của hợp đồng này.
- 1.4 Khối lượng nước tối thiểu mua bán trong một kỳ không nhỏ hơn **2.500.000 m<sup>3</sup>** (hai triệu năm trăm ngàn mét khối).

Trong trường hợp khối lượng nước mua bán nhỏ hơn lượng nước tối thiểu thì Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền nước theo lượng nước tối thiểu được xác định ở trên, trừ trường hợp được nêu tại Điều 6, Điều 8 của hợp đồng này.

## **Điều 2: Ghi nhận, tính toán khối lượng nước mua bán.**

### **2.1 Ghi nhận khối lượng nước mua bán:**

- 2.1.1 Định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, hai bên cử đại diện cùng tiến hành ghi nhận tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) khối lượng nước mua bán trong một kỳ thông qua chỉ số tiêu thụ của các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trường hợp đối với đồng hồ tổng tách mạng, hai bên sẽ phối hợp cùng bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của bên A. Bên thứ ba và các đồng hồ tổng này được xác định trước và lập thành danh sách để tiến hành cùng ghi nhận khối lượng nước tiêu thụ.

Thời gian ghi nhận khối lượng nước mua bán thông qua số liệu của Data logger vào lúc 7h00 ngày 25 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, khối lượng nước mua bán được tính theo chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng vào ngày 25 hàng tháng. Thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút. Việc ghi nhận khối lượng nước mua bán phải được lập thành biên bản để làm cơ sở cho việc thanh toán tiền nước mua bán.

### **2.1.2 Khối lượng nước giảm trừ:**

Khi xảy ra các trường hợp được nêu tại khoản 7.1.3, 7.2.3 Điều 7 thì căn cứ vào biên bản ghi nhận của hai bên để tính toán khối lượng nước mua bán trong kỳ.

Khối lượng nước giảm trừ được hai bên lập thành biên bản và thống nhất chậm nhất sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được nêu tại Khoản 2.1.1 Điều 2. Sau thời gian này, nếu hai bên không thống nhất được thì khối lượng nước mua bán trong kỳ sẽ không tính khối lượng nước giảm trừ. Khối lượng nước giảm trừ sẽ tiếp tục được hai bên thống nhất vào kỳ mua bán kế tiếp.



2.1.3 Trường hợp các đồng hồ tổng gặp sự cố hư hỏng hoặc chạy bất thường, thì việc ghi nhận khối lượng nước được tính trung bình và/hoặc sẽ cùng thỏa thuận giữa các bên. Cách thực hiện được nêu tại Phụ lục 5 của hợp đồng này.

2.2 Tính toán khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán giữa hai bên là tổng khối lượng nước được ghi nhận theo quy định tại Khoản 2.1 của điều này.

**Điều 3: Chất lượng nước sạch:**

3.1 Chất lượng nước mua bán giữa hai bên đạt tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2018/BYT được ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế. Các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước mua bán được nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng này. Vị trí lấy mẫu nước để kiểm nghiệm chất lượng nước theo danh sách được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này. Danh mục các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước kiểm nghiệm hàng tháng được nêu tại mục II Phụ lục 2 của hợp đồng này.

3.2 Xác định vùng trách nhiệm về chất lượng nước:

3.2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ nhà máy của Bên A và/hoặc Nhà máy của các đơn vị khác mà Bên A có hợp đồng mua sỉ nước sạch đến vị trí lắp đặt đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.2.2 Trách nhiệm của Bên B:

Bên B có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ vị trí sau đồng hồ tổng nguồn đến đến đồng hồ tổng tách mạng và từ vị trí sau đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.3 Kiểm nghiệm chất lượng nước mua bán:

3.3.1 Hàng tháng, Bên A và Bên B sẽ lấy 10 (mười) mẫu nước tại vị trí các đồng hồ tổng đã chọn trước được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này để tiến hành kiểm nghiệm hoặc gửi đến một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm để kiểm nghiệm các chỉ tiêu được quy định tại mục II Phụ lục 2 của hợp đồng này. Kết quả kiểm nghiệm là cơ sở để hai bên phân định trách nhiệm về chất lượng nước mua bán giữa hai bên. Chi phí kiểm nghiệm do Bên A chịu.

3.3.2 Bên B có quyền yêu cầu một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm tiến hành lấy mẫu nước tại vị trí được quy định tại khoản 3.3.1 của điều này để kiểm nghiệm đối chiếu kết quả kiểm nghiệm chất lượng nước do Bên A thực hiện. Chi phí kiểm nghiệm này do Bên B chịu.

3.3.3 Nếu có xảy ra phản ánh của khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước thì hai bên cùng tiến hành kiểm tra, tìm nguyên nhân. Nếu lỗi



thuộc về bên nào thì bên đó chịu chi phí kiểm nghiệm và thực hiện theo Điểm 7.3.1 Khoản 7.3 Điều 7 của hợp đồng này.

#### **Điều 4: Đơn giá mua bán**

- 4.1 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3.1 Điều 1 của hợp đồng này là **7.422,83 đồng/m<sup>3</sup>**.
- 4.2 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.3.2 Điều 1 của hợp đồng này được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.
- 4.3 Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- 4.4 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

#### **Điều 5: Thanh toán.**

- 5.1 Hàng tháng Bên B thực hiện thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch như sau:
  - 5.1.1 Sau ngày hai bên đã ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này thì vào ngày 05 (năm) của tháng liền sau đó Bên B phải thanh toán 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng cho Bên A.
  - 5.1.2 Sau ngày hai bên đã ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này thì vào ngày 15 (mười lăm) của tháng liền sau đó Bên B phải thanh toán dứt điểm số tiền còn lại cho Bên A.
  - 5.1.3 Việc thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Nếu ngày thanh toán được nêu tại khoản 5.1.1, 5.1.2 rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.
- 5.2 Trường hợp bên B chậm thanh toán như quy định tại Khoản 5.1 của điều này thì phải chịu thêm lãi suất vay quá hạn hiện hành của Ngân hàng cho số tiền chậm thanh toán.
- 5.3 Hàng tháng, Bên A gửi cho Bên B bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:
  - Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại khoản 2.1 Điều 2 của hợp đồng này (phụ lục 3).
  - Thông báo số tiền phải thanh toán (phụ lục 4).
  - Bảng kết quả kiểm nghiệm.
  - Hóa đơn bán sỉ.

#### **Điều 6: Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước**

- 6.1 Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:
  - 6.1.1 Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.
  - 6.1.2 Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/ hoặc nguồn nước của Bên A và của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra,



Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.1.3 Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.1.4 Do các trường hợp bất khả kháng như được nêu tại Điều 8 của hợp đồng này. Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.2 Bên B ngưng tiếp nhận nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:

6.2.1 Bên A không thực hiện việc kiểm nghiệm nước sạch được quy định tại Khoản 3.3.1 Điều 3 của hợp đồng này.

6.2.2 Chất lượng nước mua bán không đạt tiêu chuẩn như quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.

6.2.3 Thực hiện công tác sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước theo kế hoạch. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất 02 (hai) ngày.

6.2.4 Khi có sự cố hư hỏng đột xuất hệ thống cấp nước của Bên B mà có thể làm gián đoạn việc tiếp nhận nước từ bên A. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo ngay khi phát hiện sự cố cho Bên A biết.

## **Điều 7: Trách nhiệm của các bên.**

7.1 Trách nhiệm của Bên A:

7.1.1 Đảm bảo cung cấp nguồn nước liên tục và đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này, trừ các trường hợp bất khả kháng nêu tại Điều 8.

7.1.2 Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố hư hỏng trong phạm vi tài khối của mình.

7.1.3 Thông báo và phối hợp cùng Bên B ghi nhận, tính toán để giảm trừ khối lượng nước mua bán khi xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài khối của Bên A và/hoặc có yêu cầu xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.

7.1.4 Hỗ trợ Bên B khắc phục các sự cố vượt ngoài khả năng của Bên B (khi có yêu cầu).

7.1.5 In hóa đơn tiền nước cho Bên B theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.

7.1.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch có tầm ảnh hưởng đến hoạt động của Bên A.

7.2 Trách nhiệm của Bên B:

7.2.1 Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.



- 7.2.2 Đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng nước đạt theo tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 7.2.3 Thông báo và phối hợp với Bên A ghi nhận các sự cố xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài khối của Bên A và/hoặc có yêu cầu súc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A để cùng tiến hành tính toán khối lượng nước mua bán được giảm trừ.
- 7.2.4 Phối hợp, hỗ trợ với bên thứ ba có sử dụng chung nguồn nước do bên A cung cấp trong việc cung cấp nước sạch. Thông báo cho Bên A các trường hợp tạm ngưng tiếp nhận nước khi tiến hành sửa chữa hệ thống mang lưới phân phối của mình, đặc biệt khi việc tạm ngưng tiếp nhận nước này làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của Bên thứ ba có hợp đồng mua bán sử dụng nước sạch với Bên A.
- 7.2.5 Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng, vượt phạm vi quản lý của Bên B.
- 7.2.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch trên địa bàn của Bên B.
- 7.3 Trách nhiệm chung của hai bên:
- 7.3.1 Tìm nguyên nhân về chất lượng nước khi có phản ánh của khách hàng. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó có trách nhiệm giải quyết, bồi thường (nếu có).
- 7.3.2 Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

#### **Điều 8: Các trường hợp bất khả kháng.**

- 8.1 Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình mà vẫn không ngăn chặn được như:
- Chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn.
  - Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.
  - Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động khởi xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà bên A ký hợp đồng mua nước sạch.
  - Nước thô để khởi xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.
  - Những tác động không lường trước như: các đơn vị thi công cầu, đường làm hư hỏng hệ thống tuyến ống truyền tải của Bên A.



- 8.2 Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gửi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả để tiếp tục ngay việc mua bán, cung cấp nước sạch trong thời gian sớm nhất. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi quản lý của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.
- 8.3 Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

#### **Điều 9: Thời hạn thực hiện hợp đồng.**

- 9.1 Hợp đồng này thực hiện việc mua bán lượng nước kỳ 01 năm 2025.
- 9.2 Trước khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới.

#### **Điều 10: Điều khoản chung.**

- 10.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.
- 10.2 Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.
- 10.3 Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.
- 10.4 Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025*

**BẢN THỎA THUẬN**

Về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 01 năm 2025  
giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên  
và Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

*Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;*

*Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;*

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2025, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh chúng tôi gồm:

**BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN:**

Ông: **Nguyễn Thanh Sử**  
điện.

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại

Giấy ủy quyền: Số 8530/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ông Trần Quang Minh – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

**BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH:**

Ông: **Nguyễn Doãn Xã**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Cùng thỏa thuận về một số vấn đề liên quan đến Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 01 năm 2025 giữa hai bên như sau:

Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 01 năm 2025 sẽ thực hiện việc mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng. Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ thực hiện theo các nội dung và nguyên tắc sau:



## **I./ VỀ NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG:**

Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ bao gồm các điều khoản sau:

- Khối lượng nước mua bán.
- Ghi nhận, tính toán khối lượng nước.
- Chất lượng nước sạch.
- Đơn giá mua bán.
- Thanh toán.
- Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước.
- Trách nhiệm của các bên.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Thời hạn thực hiện hợp đồng.
- Điều khoản chung.

## **II./ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN:**

### **1. Khối lượng nước mua bán:**

Khối lượng nước mua bán là lượng nước thực vào địa bàn của Bên B được xác định mỗi kỳ 01 lần vào ngày 25 của mỗi tháng thông qua việc đọc số tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) của các đồng hồ tổng nguồn, các đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ nước khách hàng được xem là đồng hồ tổng, trong đó có giảm trừ lượng nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.

### **2. Xác định khối lượng nước mua bán:**

#### *2.2.1 Thiết bị đo đếm:*

Khối lượng nước mua bán sỉ hàng kỳ được ghi nhận qua hệ thống đồng hồ tổng, được phân thành 03 loại: Đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trong hợp đồng mua bán sỉ nước sạch gọi chung 03 loại này là đồng hồ tổng, được định nghĩa và hiểu như sau:

- Đồng hồ tổng nguồn: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước đi vào hoặc đi ra mạng lưới đường ống của Bên B (Phụ lục).
- Đồng hồ tổng tách mạng: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước qua lại giữa Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của Bên A (Phụ lục).
- Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:
  - Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên B, chưa



được ghi nhận qua đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng (Phụ lục).

- Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có).

### 2.2.2 Cách tính lượng nước mua bán sỉ:

#### a. Trường hợp đồng hồ tổng hoạt động bình thường:

Lượng nước mua bán sỉ được xác định:

$$Q = \sum_i^n Q_i - \text{Lượng nước giảm trừ}$$

Với:  $Q_i$  : là lượng nước các đồng hồ tổng (cả 03 loại) ghi nhận được trong thời gian mua bán sỉ.

Lượng nước giảm trừ được xác định khi xảy ra các trường hợp xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A hoặc có yêu cầu súc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A. Khi đó hai bên sẽ cùng tiến hành ghi nhận làm cơ sở cho việc tính toán khối lượng nước mua bán.

#### b. Trường hợp đồng hồ tổng đo đếm có sự cố:

Hai bên thống nhất bổ sung quy trình xử lý, các trường hợp tính trung bình và quy tắc ứng xử trong các trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố, nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng như sau:

##### ❖ Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố được thực hiện như sau:

Trong trường hợp có đồng hồ tổng có chỉ số khối lượng bất thường do các sự cố như đồng hồ hư hỏng, dữ liệu của bộ ghi nhận dữ liệu không liên tục hoặc lệch với chỉ số đồng hồ, hoặc do hết pin v.v... thì thực hiện theo quy trình sau:

- + Bên A ghi nhận hoặc tiếp nhận thông tin đồng hồ tổng khi có sự bất thường về chỉ số và hư hỏng trong quá trình quản lý hoặc do Bên B phản ánh.
- + Trong thời gian không quá 02 ngày, Bên A sẽ thông báo cho các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá xác nhận tình trạng đồng hồ tổng tại hiện trường và đưa ra hướng xử lý.
- + Bên A sẽ lên kế hoạch triển khai và thực hiện công tác khắc phục sự cố từng trường hợp như sau:

Trường hợp đồng hồ hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị sự cố có thể khắc phục tại hiện trường (thay pin, thay nối dây tín hiệu, thay bộ hiển thị, đấu nối tiếp đất...) thì Bên A sẽ xử lý, khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc và có sự chứng kiến, ký biên bản xác nhận của các bên liên quan.

Trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố không khắc phục được tại hiện trường, Bên A sẽ phối hợp các đơn vị liên quan thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã được kiểm định trong vòng 07 ngày, đồng thời



niêm phong đồng hồ hiện hữu, đem kiểm định tại cơ quan có chức năng có thẩm quyền để xác định tình trạng đồng hồ trên (biên bản niêm phong phải có xác nhận của các bên).

❖ Các trường hợp tính trung bình lượng nước cung cấp và bán sỉ trong thời gian đồng hồ tổng hư hỏng hoặc không có đồng hồ đo đếm:

+ ***Trường hợp 1: đồng hồ tổng bị hư hỏng, sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ.***

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

+ ***Trường hợp 2: đồng hồ tổng bị hư hỏng, sự cố nhiều hơn 10 ngày.***

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đầy đủ, đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

Trong trường hợp không đủ khối lượng ổn định liên tục 03 kỳ thì tính khối lượng bình quân cho những ngày đồng hồ gặp sự cố bằng khối lượng bình quân theo số ngày thực tế đồng hồ tổng ghi nhận trước đó nhưng không ít hơn 10 ngày liên tục.

+ ***Trường hợp 3: đồng hồ tổng mới lắp đặt bị sự cố (không có dữ liệu tại các thời điểm trước đó).***

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít nhất 10 ngày liên tục được tính như Mục 2 của Trường hợp 2.

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít hơn 10 ngày, khối lượng tạm tính bằng không. Sau khi đồng hồ tổng được thay thế hoặc khắc phục sẽ sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian các ngày tạm tính.

Bên A sẽ nhanh chóng lên kế hoạch và khắc phục sự cố như mục 3 của Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố nêu trên.

+ ***Trường hợp 4: đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định rơi vào những ngày lễ, tết***

Khối lượng tiêu thụ vào những ngày này có thể thấp hoặc cao hơn so với ngày thường. Tính lượng nước bình quân trong thời gian đồng hồ tổng xảy ra sự cố vào dịp lễ, tết sẽ tính theo “hệ số K”.

Khối lượng tính bình quân ngày cho thời gian đồng hồ tổng hư hỏng =  $K \times$  khối lượng bình quân ngày theo Trường hợp 1 hoặc Trường hợp 2.

Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước  
tương ứng với các ngày cần tính trung bình

$$K = \frac{\text{Khối lượng bình quân 10 ngày trước khi đồng hồ bị hư tương ứng của năm trước}}{\text{Khối lượng bình quân 10 ngày trước khi đồng hồ bị hư tương ứng của năm trước}}$$



- + **Trường hợp 5: đồng hồ tổng hoạt động bình thường, bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng và không có chỉ số đọc trên bộ hiển thị đầu kỳ:**

Bị sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

Bị sự cố trên 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

- + **Trường hợp 6: đồng hồ tổng mới thay thế có khối lượng bình quân ngày chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ:**

Đồng hồ tổng sau khi được thay thế (đảm bảo yêu cầu pháp lý kỹ thuật). Bên A sẽ theo dõi khối lượng và xử lý chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ. Khi đó khối lượng sẽ được tạm tính theo Trường hợp 2.

Trường hợp này Bên B cung cấp dữ liệu các đồng hồ DMA và đồng hồ khách hàng (nếu có) khu vực lân cận (do Đồng hồ tổng này cung cấp) cho Bên A, cùng phối hợp xử lý phân tích dữ liệu, đưa ra hướng giải quyết khắc phục sự cố của đồng hồ tổng.

Trường hợp giải quyết theo phương án: thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ khác (hoặc sửa chữa) thì sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian tạm tính.

- ❖ Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng:

- + Khi Bên B nghi ngờ độ chính xác của các đồng hồ tổng thì có quyền yêu cầu Bên A thực hiện việc kiểm tra đồng hồ thông qua văn bản chính thức.
- + Sau khi nhận được yêu cầu kiểm tra đồng hồ nghi ngờ, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra bằng các thiết bị kiểm tra tại hiện trường với sự chứng kiến của các bên.
- + Trong trường hợp Bên B yêu cầu phải có kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bên A sẽ thực hiện tháo gỡ, thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã kiểm định tại vị trí này trong thời gian ngắn nhất. Đồng hồ bị nghi ngờ độ chính xác sẽ được niêm phong mang đi kiểm định tại cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- + Lượng nước mua bán si trong thời gian từ khi Bên B yêu cầu kiểm tra đến khi thay đồng hồ đã được kiểm định sẽ được tạm tính theo trường hợp quy định tại Trường hợp 2.
- + Sau khi có kết quả kiểm định, căn cứ vào kết quả:



Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác trong giới hạn cho phép: tất cả các chi phí liên quan bao gồm phí kiểm định, chi phí tháo dỡ, lắp đặt đồng hồ và các chi phí liên quan khác sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.

Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác vượt giới hạn cho phép: Bên A sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả chi phí liên quan.

Lượng nước đã tạm tính ở mục 4 của Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng sẽ được so sánh khối lượng đo đếm thực tế 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ đã kiểm định để truy thu hoặc giảm trừ.

#### 2.2.3 Công tác đọc số đồng hồ tổng:

Hàng kỳ, 02 bên cử đại diện để tiến hành ghi nhận chỉ số tiêu thụ và lập biên bản ghi nhận chỉ số tiêu thụ đồng hồ tổng. Việc phối hợp thực hiện như sau:

- Đối với đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng: Bên A và Bên B.
- Đồng hồ tổng tách mạng: Bên A, Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua sử dụng nước sạch của Bên A. Bên thứ ba sẽ được xác định trước và lập danh sách các đồng hồ tổng này để cùng tiến hành ghi nhận khối lượng nước mua bán.

#### 2.2.4 Thời gian đọc số đồng hồ tổng:

Việc đọc số đồng hồ tổng được xác định vào ngày 25 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút.

### III./ VỀ ĐƠN GIÁ MUA BÁN:

1. Hai bên thống nhất xác định đơn giá hợp đồng mua bán sử dụng nước sạch kỳ 01 năm 2025 như sau:

$$GBS_{\text{kỳ 01/2025}} = GBS_{2024} * (1 + \% \text{ Tốc độ tăng hoặc giảm thực tế giá bán lẻ bình quân})$$

Trong đó:

- $GBS_{2024}$  : là đơn giá mua bán sử dụng nước sạch cho lượng nước khách hàng sử dụng khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên B năm 2024 tăng theo tốc độ tăng giá bán lẻ bình quân đạt được của năm 2024 so với năm 2023. Cụ thể là **7.422,83 đồng/m<sup>3</sup>**.
  - $\% \text{ Tốc độ tăng hoặc giảm thực tế giá bán lẻ bình quân}$ : là tốc độ tăng hoặc giảm giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2025 so với giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2024.
2. Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán sử dụng nước sạch kỳ 01 năm 2025 sẽ được tính theo 02 đơn giá như sau:
    - Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng, đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo



đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định (Phụ lục đính kèm) là **7.422,83 đồng/m<sup>3</sup>**. Đơn giá này sẽ được tính toán lại vào cuối năm theo nguyên tắc xác định đơn giá trên.

- Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có) được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.
- 3. Đơn giá mua bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- 4. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

#### **IV./ VỀ THANH TOÁN:**

- Hàng tháng Bên B sẽ thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch cho Bên A như sau:
  - + Đợt 1: Ngày 05 (năm) của tháng liền kề sau ngày hai bên ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán cho Bên A số tiền là 12.000.000.000 (mười hai tỷ) đồng.
  - + Đợt 2: Ngày 15 (mười lăm) của tháng liền kề sau ngày hai bên ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán hết cho Bên A số tiền còn lại.
- Trường hợp ngày thanh toán rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.
- Thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch bằng hình thức chuyển khoản.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng mua bán sỉ nước sạch, hai bên sẽ tiếp tục rà soát các khách hàng sử dụng nước khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Bản thỏa thuận này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị như nhau.

**Đ/DIỆN CTCP CẤP NƯỚC BẾN THÀNH    Đ/DIỆN TỔNG CTY CẤP NƯỚC SÀI GÒN-TNHH MTV**







Số: 15 /TTr-CNBT-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2025

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thay đổi, điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh của Công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Đại hội cổ đông thông qua ngày 21/4/2022;

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0304789925, đăng ký lần đầu ngày 08/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29/12/2021 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp;

- Căn cứ Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 288262/24 ngày 16/5/2024 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp;

- Theo Công văn số 4128/UBCK-PTTT ngày 02/7/2024, Công văn số 3735/UBCK-PTTT ngày 13/6/2024 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về hướng dẫn liên quan hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa;

- Theo Thông báo số 621050/24 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM về kết quả nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mã hồ sơ 000.00.06.H29-241001-4185 ngày 01/10/2024 (triển khai theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26/9/2024 - thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản);

Tại phiên họp thứ 1 – Năm 2025 (Nhiệm kỳ 2022 – 2027) vào ngày 14/3/2025, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất kính trình Đại hội đồng cổ đông, như sau:

Qua rà soát ngành nghề kinh doanh, cơ cấu cổ đông hiện tại của Công ty và thuận tiện giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với công ty đại chúng, triển khai lại hồ sơ đăng ký doanh nghiệp,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc thay đổi, điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh của Công ty; Sửa đổi khoản 1 Điều 4 về ngành, nghề kinh doanh của Công ty tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty phản ánh việc thay đổi, điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh của Công ty; đồng thời, giao/ủy quyền cho Giám đốc đồng thời là Người đại diện theo pháp luật của Công ty triển khai các công việc liên quan thay đổi, điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật, cụ thể:

**- Ngành nghề kinh doanh trước khi thay đổi :**

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (mã ngành 6810).

Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.

**- Ngành nghề kinh doanh sau khi thay đổi :**

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (mã ngành 6810).

Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ đầu tư, xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Kế toán trưởng Công ty;
- Phòng KT-TC Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Tuấn Anh**

\*\*\* Ghi chú: Tài liệu này có thể được sửa đổi, bổ sung thích hợp và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định tại Đại hội.



Số: *16* /TTr-CNBT-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2025

**TỜ TRÌNH****Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung ba thành viên Hội đồng quản trị  
Nhiệm kỳ 2022 - 2027**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành (gọi tắt là “Công ty”) có 07 thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), bao gồm 04 thành viên là người được Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV đề cử tham gia HĐQT (bao gồm ông Phạm Tuấn Anh, ông Nguyễn Doãn Xã, bà Nguyễn Thị Bảo Châu là người đại diện vốn góp của Tổng Công ty, bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt do người đại diện vốn góp của Tổng Công ty giới thiệu tham gia ứng cử HĐQT); 02 thành viên là người được Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki (Vikki Bank) (tên gọi cũ là Ngân hàng TM TNHH MTV Đông Á) đề cử tham gia HĐQT (bao gồm ông Trần Quang Phương là người đại diện vốn góp của Ngân hàng TM TNHH MTV Đông Á, ông Tạ Chương Lâm do người đại diện vốn góp của Ngân hàng TM TNHH MTV Đông Á giới thiệu tham gia ứng cử HĐQT); và 01 thành viên là ông Hồ Lê Minh (cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phần tham gia HĐQT).

Ngày 20/3/2025, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV có văn bản số 43/TCT-HĐTV ngày 18/3/2025 về việc cử Người đại diện vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành, cụ thể như sau:

1. Tổng Công ty thôi cử ông Nguyễn Doãn Xã, hiện là Giám đốc Công ty, làm Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty.

2. Tổng Công ty cử ông Nguyễn Hoài Nam, hiện là Giám đốc Xí nghiệp Cấp nước Sinh hoạt Nông thôn TP.HCM, đại diện quản lý 1.658.000 cổ phần của Tổng Công ty (tương đương 17,71% vốn điều lệ) tại Công ty thay thế ông Nguyễn Doãn Xã.

Ngày 24/3/2025, Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki (Vikki Bank) (tên gọi cũ là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đông Á) có văn bản số 1003/2025/CV-Vikki Bank ngày 20/3/2025 về việc cử người đại diện phần vốn của Vikki Bank tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành, cụ thể như sau:

1. Vikki Bank cử ông Nguyễn Hữu Trí, CCCD số 079077027309, quốc tịch Việt Nam, địa chỉ liên lạc số 55 đường 45, phường 9, quận 4, TP.HCM làm đại diện phần vốn của Vikki Bank tại Công ty kể từ ngày 20/3/2025. Ông Nguyễn Hữu Trí sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông tại Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Vikki Bank, Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.

2. Kể từ ngày 20/3/2025, ông Trần Quang Phương chấm dứt tư cách người đại diện phần vốn góp/cổ phần của Vikki Bank (tên cũ là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đông Á) tại Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.



Ngày 24/3/2025, Công ty nhận được Đơn xin thôi giữ chức vụ đề ngày 21/3/2025 của ông Tạ Chương Lâm – Thành viên Hội đồng quản trị gửi Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị để xin thôi giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 kể từ ngày 24/4/2025. Lý do bận việc cá nhân.

Theo quy định tại **điểm a khoản 4 Điều 26 của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty** được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2022 (gọi tắt là “Điều lệ Công ty”), thì “*Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định sau đây: a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: ... - Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;... - Cổ đông thay đổi người đại diện đang giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị;...*”.

Đồng thời tại **điểm c khoản 1 Điều 15 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty**, thì “*Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông ... c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;*”

Trên cơ sở văn bản số 43/TCT-HĐTV ngày 18/3/2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và văn bản số 1003/2025/CV-Vikki Bank ngày 20/3/2025 của Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki liên quan việc thay đổi người đại diện đang giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị; Đơn xin thôi giữ chức vụ đề ngày 21/3/2025 của ông Tạ Chương Lâm – Thành viên Hội đồng quản trị và căn cứ vào những nội dung quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông theo văn bản đề nghị của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki và đơn, hồ sơ liên quan;

Để đảm bảo công tác quản lý Công ty, theo tình hình thực tế sau khi tổng hợp các đơn đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 (bầu bổ sung), đồng thời tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận:

1. Chấp thuận miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị của ông Nguyễn Doãn Xã, ông Trần Quang Phương và ông Tạ Chương Lâm, kể từ ngày 24/4/2025.

2. Tiến hành bầu bổ sung ba thành viên Hội đồng quản trị Công ty thay thế cho ba thành viên vừa miễn nhiệm.

Cụ thể:

- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (cổ đông hiện sở hữu 4.974.700 cổ phiếu, chiếm 53,15% vốn điều lệ) chính thức đề cử hai ứng viên để ứng cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 như sau:

+ Ông Nguyễn Hoài Nam - sinh năm 1973, kỹ sư xây dựng cầu đường, kỹ sư cấp thoát nước, hiện là Bí thư Đảng bộ, Giám đốc Xí nghiệp Cấp nước Sinh hoạt Nông thôn TP.HCM (*đại diện quản lý 1.658.000 cổ phần của Tổng Công ty, tương đương 17,71% vốn điều lệ*);

+ 01 ứng cử viên (thay cho ông Tạ Chương Lâm).



- Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki (cổ đông hiện sở hữu 936.000 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ) chính thức đề cử một ứng viên để ứng cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 như sau:

+ Ông Nguyễn Hữu Trí - sinh năm 1977, cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế, hiện là Giám đốc Khối quản lý Kênh phân phối, Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki (đại diện quản lý 936.000 cổ phần của Ngân hàng Số Vikki, tương đương 10% vốn điều lệ).

\* **Đính kèm:** Hồ sơ đề cử, ứng cử liên quan; Lý lịch trích ngang của ứng viên.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**Nơi nhận:**

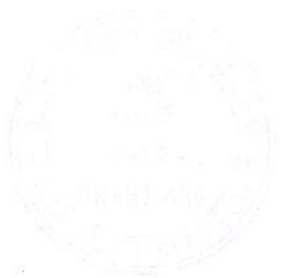
- Như trên;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Phạm Tuấn Anh**







**QUY CHẾ THAM GIA ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTCP CẤP NƯỚC BẾN THÀNH  
NHIỆM KỲ 2022 - 2027 (BẦU BỔ SUNG)**

**1. Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực ngày 01/01/2021.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, có hiệu lực ngày 01/01/2021.
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

**2. Mục tiêu:**

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.

**3. Nội dung Quy chế:**

**3.1 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung:** 3 người

**3.2 Nhiệm kỳ:** từ 2022 – 2027.

**3.3 Số lượng ứng cử viên:** Không hạn chế

**3.4 Điều kiện đề cử, ứng cử:**

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 (24/3/2025) được ứng cử hoặc đề cử người vào HĐQT của Công ty. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: từ 5% đến dưới 10% được cử 1 người, từ 10% đến dưới 30% được cử 2 người, từ 30% đến dưới 40% được cử 3 người; từ 40% đến dưới 50% được cử 4 người, từ 50% đến dưới 60% được cử 5 người, từ 60% đến dưới 70% được cử 6 người, từ 70% đến dưới 80% được cử 7 người, từ 80% trở lên được cử 8 người.

**3.5 Tiêu chuẩn ứng cử viên:**

Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định sau đây:

- Có trình độ đại học;
- Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp.

**4. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử HĐQT:**

- Đơn ứng cử (hoặc đề cử) tham gia HĐQT (theo mẫu);

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);

- Bản chính hoặc bản sao có công chứng tài liệu chứng minh **nắm giữ cổ phần Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành tính tới thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 (24/3/2025)** (ví dụ: *Bản sao sao kê Tài khoản Giao dịch chứng khoán hoặc Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần...*);

- Bản sao có công chứng: CCCD, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

- Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử gửi về Ban Tổ chức Đại hội **trước 16 giờ 00 ngày 21/4/2025** về:

**Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành**

Địa chỉ: 194 Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (028) 38 297 147 - Fax: (028) 38 229 778

(Liên hệ bà Kim Lành - Điện thoại: 0907 618 485)

**5. Lựa chọn các ứng cử viên:**

Dựa trên các Đơn ứng cử và đề cử của các cổ đông, HĐQT sẽ thông qua danh sách các ứng cử viên HĐQT đáp ứng đủ các tiêu chuẩn được quy định tại Quy chế tham gia đề cử, ứng cử này.

**6. Hiệu lực thi hành:**

Quy chế đề cử, ứng cử này được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông trước khi tiến hành bầu cử. Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các cổ đông./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Tuấn Anh**



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2025

**THẺ LỆ BẦU CỬ**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTCP CẤP NƯỚC BẾN THÀNH**  
**NHIỆM KỲ 2022 – 2027 (BẦU BỔ SUNG)**

**1. Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực ngày 01/01/2021.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, có hiệu lực ngày 01/01/2021.
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

**2. Mục tiêu:**

- Đảm bảo tuân thủ luật pháp và các thông lệ tại Việt Nam;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Đại hội cổ đông.

**3. Đối tượng thực hiện bầu cử:**

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông Công ty chốt ngày 24/3/2025) có mặt tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.

**4. Số lượng và nhiệm kỳ thành viên được bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị:**

- Số lượng cần bầu bổ sung: 3 thành viên
- Nhiệm kỳ thành viên: 2022 - 2027

**5. Phương thức bầu cử:**

- Việc bầu bổ sung 03 thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

- Danh sách ứng cử viên HĐQT được hình thành dựa trên đơn đề cử, ứng cử của các cổ đông để lựa chọn các ứng cử viên HĐQT đáp ứng các tiêu chuẩn quy định trong Điều lệ của Công ty, Quy chế tham gia đề cử, ứng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027.

- Mỗi cổ đông tham gia được phát một phiếu bầu HĐQT cho toàn bộ số cổ phần sở hữu và được ủy quyền.

- Cổ đông **chỉ được lựa chọn 1 đến 3 thành viên** trong số các ứng cử viên HĐQT, theo cách thức như sau:



+ Đối với ứng cử viên được lựa chọn: **Cổ đông đánh dấu “X” vào ô vuông phía trước chữ “Đồng ý” ở dòng bên dưới tên của ứng cử viên đó;**

*Ví dụ ứng cử viên được lựa chọn:*

**Ông NGUYỄN VĂN A**

☒ Đồng ý

☐ Không đồng ý

+ Đối với ứng cử viên không được lựa chọn: **Cổ đông đánh dấu “X” vào ô vuông phía trước chữ “Không đồng ý” ở dòng bên dưới tên của ứng cử viên đó;**

*Ví dụ ứng cử viên không được lựa chọn:*

**Ông NGUYỄN VĂN A**

☐ Đồng ý

☒ Không đồng ý

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu bằng tổng số cổ phần sở hữu (bao gồm sở hữu và đại diện theo ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT.

## **6. Thủ tục và hình thức tiến hành bầu cử:**

### **6.1 Phiếu bầu cử:**

#### *a) Hình thức phiếu bầu cử:*

- Phiếu bầu HĐQT được in trên giấy màu hồng có đóng dấu treo của Công ty.

#### *b) Nội dung phiếu bầu cử:*

- Phần 1: Thể hiện Mã số cổ đông, Tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu, Tổng số phiếu bầu (tương ứng với số lượng cổ phần cổ đông đó nắm giữ hoặc đại diện sở hữu nhân với số lượng thành viên HĐQT được bầu).

- Phần 2: Danh sách ứng cử viên HĐQT.

- Phần 3: Một số lưu ý quan trọng.

*c) Phiếu bầu hợp lệ:* Là các phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Công ty phát hành, có dấu treo của Công ty, không được tẩy xóa, cạo sửa, bầu từ 1 (một) đến đủ số lượng thành viên được bầu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### *d) Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:*

- Phiếu không theo mẫu quy định, không do Công ty phát hành hoặc không có dấu treo của Công ty;

- Phiếu đánh dấu “X” hoặc phiếu để trống (không đánh dấu “X”) ở cả hai ô vuông phía trước chữ “Đồng ý” và “Không đồng ý” ở dòng bên dưới tên của ứng cử viên;

- Phiếu ghi thêm tên người khác vào danh sách hoặc ghi thêm những thông tin, ký hiệu khác;

- Không bầu ứng cử viên nào hoặc bầu vượt quá số ứng cử viên theo quy định;

- Phiếu bị gạch xóa, sửa chữa;

- Phiếu không còn nguyên vẹn.



e) Trường hợp xem là không tham gia bầu cử:

Các cổ đông có tham dự đại hội mà không bỏ phiếu bầu cử thì số phiếu bầu của cổ đông đó được xem là không tham gia bầu cử.

f) Đối lại phiếu bầu:

Trong trường hợp phiếu bầu không thể hiện đúng các thông tin có liên quan đến cổ đông, hoặc do nhầm lẫn của cổ đông trong quá trình ghi phiếu bầu cho các ứng cử viên mà chưa bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu để đổi lại phiếu bầu.

## **6.2 Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:**

a) Ban kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào thành viên HĐQT. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm:

- Trình Đại hội cổ đông thông qua Thể lệ bầu cử;
- Hướng dẫn cách thức bỏ phiếu và tổ chức bầu cử;
- Tiến hành kiểm phiếu;
- Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

b) Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước khi bỏ phiếu với sự chứng kiến của các cổ đông;
- Các cổ đông công khai bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc bỏ phiếu bắt đầu từ khi có thông báo của Trưởng Ban kiểm phiếu và kết thúc khi không còn cổ đông nào bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Kết quả kiểm phiếu được thể hiện trong Biên bản kiểm phiếu và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

## **7. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT:**

- Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định;

- Trường hợp có những ứng cử viên đạt tỷ lệ % số cổ đông tín nhiệm ngang nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tổ chức bầu lại giữa các ứng cử viên này để chọn.

## **8. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:**

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung chủ yếu của Biên bản kiểm phiếu bao gồm: tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ số phiếu của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu của cổ đông tham gia dự họp, số phiếu bầu hợp lệ, số phiếu bầu không hợp lệ; số phiếu bầu và tỷ lệ % phiếu bầu trên tổng số phiếu bầu hợp lệ của từng ứng cử viên vào HĐQT;

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội đồng cổ đông.

#### 9. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu:

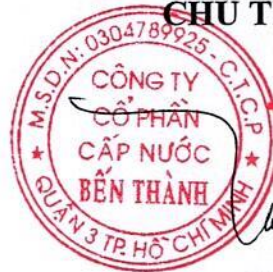
Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa đoàn cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.

#### 10. Hiệu lực thi hành:

Thế lệ bầu cử này được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông trước khi tiến hành bầu cử. Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các cổ đông./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Tuấn Anh**